**SỞ GD & ĐT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG: THPT LÊ THÁNH TÔN**

**TỔ: NGỮ VĂN**

HỒ SƠ DẠY HỌC

**CHUYÊN ĐỀ: SỰ LỰA CHỌN TRONG NGHỊCH CẢNH**

**(Qua hai tác phẩm *Vợ chồng A Phủ -* Tô Hoàivà *Vợ nhặt -* Kim Lân*)***

**GVTH**: **HOÀNG THỊ ÁI HẰNG**



**NĂM HỌC 2021 - 2022**

# MỤC LỤC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **TRANG** |
|  |  |  |
| **1.** | **A. NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI:**   1. Tổng quan về chuyên đề …………………………….. 2. Tiến trình dạy học …………………………………..    1. Bảng thiết kế tổng quan của chuyên đề …………………………………..   2. Các hoạt động dạy học (Từ tiết 1-tiết 8) |  |
| **2.** | **B. CÁC HỒ SƠ KHÁC:**  1. Phiếu học tập ……………………………………….  2. Rubric đánh giá, từ 1->10 …………………………... |  |

**A. NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI**

**I.BẢNG THIẾT KẾ DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ:**

**SỰ LỰA CHỌN TRONG NGHỊCH CẢNH**

(Ngữ liệu: *Vợ Chồng A Phủ* - Tô Hoài và *Vợ nhặt* –Kim Lân)

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu đầu ra**  **(Đọc – Viết – Nói – Nghe)** | **ĐỌC (4 tiết: 3 tiết đọc chính, tiết chốt kiến thức về thể loại truyện, 2 tiết đọc thực hành)**  (1) Hệ thống kiến thức nền sử dụng cho quá trình đọc văn bản truyện hiện đại Việt Nam: khái niệm, đặc trưng: cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, nghệ thuật.  (2) Gọi tên/xác định + Truy xuất thông tin/chi tiết + Phân tích được giá trị của việc các yếu tố đặc trựng thể loại trong quá trình hình thành minh triết cho tác phẩm truyện => kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện theo định hướng phát triển năng lực cho người học, hình thành minh triết (thông điệp) theo thang tư duy DIKW  (3) Tổng hợp: Hình thành minh triết (thông điệp) qua quá trình nhận biết, cấu trúc và phân tích dữ liệu từ hai văn bản truyện => nhìn nhận lại toàn bài (lập bảng hoặc phiếu học tập dưới dạng sơ đồ) |
| **VIẾT (1 tiết – hệ thống kiến thức về thao tác lập luận + cho các nhóm đăng kí viết bài về nhân vật truyện và đoạn văn nghị luận xã hội liên quan đến minh triết văn bản truyện)**  (1) Nhóm: Sản phẩm sơ đồ tư duy + bài văn cá nhân (đóng thành sp nhóm) phân tích, bình luận… một khía cạnh, 1 vẻ đẹp của nhân vật truyện.  (2) Cá nhân: Viết một đoạn văn nghị luận xã hội về chủ đề: sự lựa chọn trong nghịch cảnh (kết nối tri thức từ văn bản và thực tiễn trải nghiệm của học sinh trong mùa covid) |
| **NÓI, NGHE (3 tiết – trình bày sản phẩm của các nhóm – đánh giá – nhận xét, tổng kết chuyên đề)**  (1) Trình bày sản phẩm của nhóm viết bài văn nghị luận phân tích nhân vật truyện/ tình huống (trình bày 1-2 sản phẩm ngẫu nhiên của các thành viên trong nhóm, thực hiện vào tiết thực hành 7-8) (tổ chức cho hs dưới dạng thảo luận)  (2) Chia sẻ sản phẩm sáng tạo của nhóm  Bước 1: chọn đoạn văn tốt nhất từ 3 cá nhân trong nhóm  Bước 2: hs sẽ chuyển đoạn văn thành  Kênh hình: mô hình hoặc chuỗi hình ảnh - tranh vẽ (kèm phần thuyết minh)  Kênh tiếng: audio hoặc video đọc đoạn văn trên nền nhạc (clip âm nhạc) hoặc trên nền nhạc hình ảnh + phụ đề đi kèm (biểu diễn tiết mục âm nhạc) |
| **Mức độ tư duy đạt được** | 1/Nhận biết (các đặc trưng của thể loại truyện)  2/Thông hiểu (sự kết hợp các đặc trưng thể loại truyện và sự tác động của chúng trong việc hình thành minh triết cho hai văn bản truyện)  3/Vận dụng (Viết bài văn nghị luận văn học + viết đoạn văn nghị luận xã hội từ góc nhìn minh triết)  4/Phân tích (tác dụng các đặc trưng thể loại trong quá trình hình thành minh triết văn bản truyện)  5/Đánh giá (quan điểm tư tưởng nghệ thuật của tác giả trong quá trình hình thành minh triết cho tác phẩm)  6/Sáng tạo (chuyển đoạn văn sang kênh hình hoặc kênh tiếng) |
| **Câu hỏi lớn** | Làm thế nào để phân tích sự ảnh hưởng của đặc trưng thể loại truyện trong quá trình hình thành minh triết (thông điệp) cho tác phẩm Vợ chồng A Phủ và Vợ Nhặt ?  Cho 3 thông tin:  -Sử dụng sơ đồ quả núi: tìm hiểu về các yếu tố đặc trưng của truyện  - Nội dung sơ đồ: tác dụng của các yếu tố: bối cảnh, nhân vật, cốt truyện=> rút ra thông điệp  Phạm vi tư liệu: 2 văn bản truyện |
| **Câu hỏi bài học** | (1)Khái niệm truyện ngắn? truyện ngắn có những đặc trưng nào?  (2) Hai văn bản khám phả vẻ đẹp nào của nhân vật?  (3) Sự độc đáo về cốt truyện của hai văn bản?  (4) Bối cảnh của truyện ngắn Vợ chồng A Phủ và Vợ Nhăt?  (5) Nhân vật đã trải qua diễn biến như thế nào khi đặt vào bối cảnh?  (6) Những chi tiết thể hiện sự lựa chọn của nhân vật?  (7) Thông qua hệ thống nhân vật, nhà văn bộc lộ tư tưởng nghệ thuật gì?  (8)Làm thế nào để kết hợp phân tích các yếu tố đặc trưng của truyện nhằm mục đích đi tìm thông điệp đắt giá từ văn bản?  (9) Làm thế nào để xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng học tập của học sinh thông qua lớp học đảo ngược?  (10) Làm thế nào để chuyển một đoạn văn từ ngôn ngữ viết sang kênh hình hoặc kênh tiếng? |
| **Các hoạt động chính** | (1) Đọc và tra cứu thông tin dựa trên tài liệu mà giáo viên hướng dẫn.  (2) Hoàn thành phiếu học tập: áp dụng sơ đồ quả núi  (3) Thực hành lập dàn ý= sơ đồ tư duy, viết bài văn ghị luận văn học  (4) Viết đoạn văn nghị luận xã hội từ tri thức được khơi gợi trong hai văn bản truyện.  (5) Chuyển thể đoạn văn sang sản phẩm sáng tạo. |
| **Sản phẩm cuối chủ đề** | 1. Cá nhân: +Luyện tập viết bài văn nghị luận phân tích một khía cạnh của nhân vật   +Luyện tập viết đoạn văn nghị luận xã hội về chủ đề lựa chọn trong nghịch cảnh  (2) Sản phẩm sáng tạo của nhóm:  Kênh hình: lập sơ đồ tư duy, bảng biểu tóm tắt hoặc mô hình hoặc chuỗi hình ảnh (kèm phần thuyết minh) + tranh vẽ, mô hình (kèm phần thuyết minh)+ thời trang…  Kênh tiếng: audio hoặc video đọc đoạn văn trên nền nhạc hoặc trên nền nhạc \_ hình ảnh + phụ đề đi kèm |
| **Hình thức, công cụ đánh giá** | Đánh giá thường xuyên, đánh giá sản phẩm cuối chủ đề  - Công cụ:  + Phiếu học tập  + Sơ đồ tư duy  + Tiêu chí đánh giá |

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**SỰ LỰA CHỌN TRONG NGHỊCH CẢNH**

**(QUA HAI TÁC PHẨM VỢ CHỒNG A PHỦ- TÔ HÒA VÀ VỢ NHẶT- KIM LÂN)**

**1. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1.1.Năng lực**

1. **Năng lực đặc thù**

(1)Hệ thống kiến thức về đặc trưng thể loại sử dụng cho quá trình đọc văn bản truyện hiện đại Việt Nam: cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, ngôn ngữ. Giới thiệu mô hình lớp học đảo ngược, các phiếu học tập, sơ đồ học tập.

(2)(Liệt kê được những thông tin quan trọng về cuộc đời, sự nghiệp của hai tác giả ( Tô Hoài và Kim Lân) và giá trị của hai tác phẩm: Vợ chồng A Phủ và Vợ Nhặt.

(3)Gọi tên/xác định và truy xuất thông tin chi tiết, hình ảnh từ trong văn bản, dựa vào các yếu tố đặc trưng của thể loại truyện để phân loại chúng nhằm mục đích rút ra thông điệp của tác phẩm và ý đồ nghệ thuật của tác giả.

(4) Gọi tên được thông điệp của các tác phẩm và phân tích được giá trị của các yếu tố đặc trưng thể loại trong việc hình thành thông điệp của tác phẩm.

(5)Viết được văn bản nghị luận về một nội dung của tác phẩm dựa trên các yếu tố đặc trưng của thể loại truyện.

**b. Năng lực chung**

* Tự chủ và tự học
* Giao tiếp và hợp tác
  1. **Phẩm chất**
* Đồng cảm, yêu thương, trân trong con người

**2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**2.1. Thiết bị dạy học**

* Sách giáo khoa, sách giáo viên.
* Máy chiếu, bảng, phấn, giấy A4, A0, giấy note…
* Phiếu học tập, bảng kiểm …

**2.2. Học liệu**

* Văn bản ở sách giáo khoa:Vợ chồng A Phủ, Vợ Nhặt, tranh ảnh chân dung hai nhà văn Tô Hoài và Kim Lân
* Một số lời bình về tác phẩm ( Chiếu đoạn học liệu về Nhà văn nói về tác phẩm)

**3. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC CHỦ ĐỀ**

**PHẦN ĐỌC**

**VĂN BẢN 1 : “VỢ CHỒNG A PHỦ” - TÔ HOÀI**

**1.Hoạt động 1: Mở đầu**

1. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS, giới thiệu bài học
2. **Nội dung:** Cho học sinh coi clip trong thời gian 5 phút về hình ảnh Sài Gòn trước và trong đại dịch Covid 19

Yêu cầu: học sinh viết lại cảm xúc cá nhân sau khi coi xong clip

1. **Sản phẩm:** Câu trả lời về cảm nhận của cá nhân HS
2. **Tổ chức thực hiện**

* **Giao nhiệm vụ:** HS xem 1 loạt các hình ảnh về Sài Gòn (như đã nêu trong mục Nội dung) và cho biết những hình ảnh sau gợi cho em cảm xúc, suy nghĩ gì?
* **Thực hiện:** Hs xem hình ảnh và suy nghĩ trả lời
* **Báo cáo:** Gọi 1, 2 HS nêu cảm nhận
* **Đánh giá:** GV nhận xét: Nghịch cảnh luôn rình rập cuộc sống của con người và chúng không phân biệt lứa tuổi, địa vị hay sang hèn. Đại dịch Covid 19 là một biến cố cộng đồng mang tính toàn cầu. Vấn đề đặt ra là làm cách nào để mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng, mỗi con người có khả năng để vượt qua biến cố đó? Tư duy trước nghịch cảnh liệu con người đã được chạm đến trong văn chương bao giờ? Chủ đề về truyện Việt Nam hiện đại với hai văn bản Vợ chồng A Phủ- Tô Hoài và Vợt Nhăt- Kim Lân sẽ giúp ta trả lời thấu đáo câu hỏi trên.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1.Tri thức nền về thể loại truyện ngắn;cách thức sử dụng phiếu học tập và mẫu sơ đồ.**

**a.Mục tiêu:**

Hệ thống kiến thức về đặc trưng thể loại sử dụng cho quá trình đọc văn bản truyện hiện đại Việt Nam: cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, ngôn ngữ. Giới thiệu mô hình lớp học đảo ngược, các phiếu học tập, sơ đồ học tập.

**b.Nội dung:**

**+**Cung cấp kiến thức về đặc trưng thể loại, mô hình lớp học đảo ngược và hướng dẫn sử dụng các sơ đồ học tập, phiếu học tập.

+ cung cấp kiến thức về cuộc đời, sự nghiệp của tác giả Tô Hoài và tác phẩm Vợ chồng A Phủ.

**c.Sản phẩm:**  Thu âm bài giảng qua video ngắn của giáo viên (2 video)

Học sinh trình bày bằng padlet và powpoint

**d.Tổ chức thực hiện**

* **Giao nhiệm vụ** 
  + Giáo viên cung cấp video học sinh coi trước. Yêu cầu học sinh ghi nhận kết quả học được vào tờ giấy note.
  + Lên lớp:GV gọi 1 nhóm trình bày vắn tắt các yếu tố về đặc trưng thể loại, sơ đồ quả núi, sơ đồ ven. Đồng thời up kết quả lên padlet do giáo viên cung cấp đường link.
* **Thực hiện:** HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.
* **Báo cáo:** Gọi 3 nhóm có sản phẩm tốt nhất lên trình bày ->HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung
* **Đánh giá:** GV nhận xét chốt những nội dung chính

**+ Pzhần lí thuyết về thể loại:** Cần sơ đồ hóa để dễ dàng trong việc vận dụng vào văn bản

**+Phiếu học tập, sơ đồ tư duy:** GV đưa ra một phiếu demo để học sinh hình dung cụ thể hơn.

**+ Phần tác giả:** Cần có hình ảnh sinh động đính kèm để bài thuyết trình sinh động hơn

**a/ Đặc trưng thể loại**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số thứ tự** | **Đặc trưng thể loại truyện** | **Ý nghĩa** |
| **1** | **Dung lượng** | Truyện Ngắn có dung lượng nhỏ, ngắn gọn mà cô đúc nên có sức ám ảnh lớn. Nó tập trung vào một hoặc một vài biến cố trong một không gian, thời gian nhất định, tạo ra ấn tượng mạnh mẽ và sự liên tưởng cho người đọc. |
| **2** | **Đề tài** | TN đề cập đến mọi đề tài phong phú, đa dạng, chạm đến mọi ngóc ngách đời sống con người. Trên cùng một đề tài, mỗi nhà văn lại có cách khai thác khác nhau, đem lại sắc thái riêng cho tác phẩm của mình |
| **3** | **cốt truyện** | Cốt truyện là một hệ thống cụ thể những sự kiện, biến cố, hành động trong tác phẩm tự sự và tác phẩm kịch thể hiện mối quan hệ qua lại giữa các tính cách trong một hoàn cảnh xã hội nhất định nhằm thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm. |
| **4** | **Nhân vật** | – NV là linh hồn của tác phẩm, là người phát ngôn cho tư tưởng của nhà văn. Do đó, xây dựng NV là điểm quan trọng của TN. – NV TN ít hơn tiểu thuyết và thường bắt buộc phải được xây dựng theo nguyên tắc điển hình hóa. NV phải được đặt trong một hoàn cảnh cụ thể, vừa mang tính chung phổ quát vừa mang tính riêng độc đáo. |
| **5** | **Xây dựng tình huống** | –Tình huống truyện có vai trò hết sức quan trọng, được ví như “cái chìa khóa vận hành cốt truyện”. Từ tình huống truyện, các sự kiện, biến cố của cốt truyện được phát triển, tính cách nhân vật được bộc lộ. Việc giải quyết những mâu thuẫn, xung đột trong tình huống truyện sẽ bộc lộ rõ tư tưởng chủ đề của tác phẩm và dụng ý nghệ thuật của tác giả.  – Các kiểu tình huống truyện tiêu biểu là: tình huống nhận thức, tình huống tâm trạng, tình huống hành động. -> Tình huống TN thường rất độc đáo, ấn tượng, tạo hiệu quả thẩm mĩ cao. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **6** | **Không gian và thời gian nghệ thuật** | -**Không gian nghệ thuật** là một phạm trù nghệ thuật có vai trò quan trọng trong việc thể hiện tính cách nhân vật, tư tưởng chủ đề của tác phẩm.  +Không gian nghệ thuật là một phạm trù quan trọng của thi pháp học, là phương tiện chiếm lĩnh đời sống, là mô hình nghệ thuật về cuộc sống. Không gian nghệ thuật góp phần thể hiện quan điểm nghệ thuật của mỗi nhà văn.  +Không gian nghệ thuật: gồm không gian sống gắn liền với cá nhân và không gian rộng lớn gắn liền với bối cảnh xã hội  **-Thời gian nghệ thuật** là thời gian mang tính quan niệm và cá nhân. Mỗi tác giả có một cách cảm nhận khác nhau về thời gian để thể hiện ý đồ nghệ thuật của mình.  +Truyện ngắn có thể kéo dài thời gian bằng cách miêu tả rất tỉ mỉ mọi diễn biến tâm trạng, mọi diễn biến hành động của nhân vật của các sự kiện*.* Ngược lại, nhà văn có thể làm cho thời gian trôi nhanh đi bằng cách dồn nén làm cho khoảng một thời gian dài chỉ qua một dòng trần thuật ngắn. |

1. **Phiếu học tập và các mẫu sơ đồ**

* **Sơ đồ quả núi (dùng để tóm tắt diễn biến của cốt truyện**
* **sơ đồ venn**
* **Phiếu phản hồi.** 
  1. **MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC**

**a.Mục tiêu:**

Hướng dẫn học sinh tiếp cận với phương pháp dạy học tích cực, phát huy tính chủ động, hình thành năng lực tự học cho học sinh.

**b.Nội dung:** Lý thuyết về mô hình lớp học đảo ngược**.**

1. **Sản phẩm:** Sơ đồ veen so sánh sự khác nhau giữa lớp học đảo ngược và lớp học truyền thống.

**d.Tổ chức thực hiện**

* **Giao nhiệm vụ** 
  + Giáo viên cung cấp lý thuyết về mô hình lớp học đảo ngược
  + Phát phiếu học tập là sơ đồ veen cho học sinh, so sánh hai mô hình: truyền thống và lớp học đảo ngược
* **Thực hiện:** HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.
* **Báo cáo:** Gọi 2 nhóm có sản phẩm tốt nhất lên trình bày ->HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung
* **Đánh giá:** +GV nhận xét chốt những nội dung chính

+GV minh họa bằng sơ đồ tư duy

-LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC: Theo mô hình này, HS được xem các bài giảng ở nhà qua mạng hoặc băng đĩa…Giờ học ở lớp sẽ dành cho các hoạt động tương tác giúp củng cố thêm các khái niệm đã tìm hiểu. HS sẽ chủ động trong việc tìm hiểu, nghiên cứu lý thuyết hơn, các em có thể tiếp cận bài học bất cứ lúc nào, có thể dừng lại bài giảng, ghi chú và xem lại nếu cần (điều này là không thể nếu nghe GV giảng dạy trên lớp). Từ đó HS sẳn sàng tham gia vào các buổi làm việc nhóm, làm bài tập nâng cao tại các giờ học trên lớp -> giúp việc học hiệu quả hơn, người học tự tin hơn

-LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC lấy HS làm trung tâm. Thời gian ở lớp được dành để khám phá các chủ đề sâu hơn và tạo ra những cơ hội học tập thú vị. Tại lớp học HS có thể làm chủ các cuộc thảo luận



**2.3.TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**

**a. Mục tiêu**

Liệt kê được những thông tin quan trọng về cuộc đời, sự nghiệp của Tô Hoài và tác phẩm Vợ Chồng A Phủ

**b.Nội dung:** Thông tin về tác giả, tác phẩm

**c.Sản phẩm:** Trình bày trực tiếp thông qua kết quả ghi nhận được từ hoạt động bắt cặp

**d.Tổ chức thực hiện**

* **Giao nhiệm vụ**

**-** Cung cấp video về tác giả, tác phẩm

- GV hướng dẫn hs sử dụng kĩ thuật THINK- WRITE- PAIR- SHARE để HS bắt cặp tự do thảo luận và ghi kết quả vào giấy note.

* **Thực hiện:** HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.
* **Báo cáo:** Gọi 2 nhóm có sản phẩm tốt nhất lên trình bày ->HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung
* **Đánh giá:** GV nhận xét và chốt lại những nội dung chính

\*Cuộc đời và sự nghiệp

|  |  |
| --- | --- |
| **Sinh năm** | Tô Hoài: Tên khai sinh là Nguyễn Sen, sinh năm 1920. |
| **Quê quán** | Kim Bài, Thanh Oai, Hà Đông ( Hà Nội) |
| **Thời đại** | 1943 gia nhập hội Văn hóa cứu quốc; trong những năm chống Pháp, ông làm báo và hoạt động ở Việt Bắc. |
| **Gia đình** | Gia đình thợ thủ công |
| **Cuộc đời** | Thời trẻ, ông lăn lộn kiếm sống bằng nhiều nghề |
| **Con người** | Có vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc về phong tục tập quán của nhiều vùng miền. |
| **Sự nghiệp** | - Có số lượng tác phẩm đạt kỉ lục, lối trần thuật hóm hỉnh, sinh động  -Thể loại: tiểu thuyết, truyện ngắn, kí, tự truyện, tiểu luận….  - Tác phẩm chính: Dế mèn phiêu lưu kí, O Chuột, Quê Người, Nhà nghèo, Truyện Tây Bắc…  - Nội dung: Tác phẩm diễn tả sự thật đời thường, đạt giá trị nhân đạo sâu sắc… |

**\*Tác phẩm: Vợ chồng A Phủ**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoàn cảnh, xuất xứ | Viết năm 1952, in trong tập Truyện Tây Bắc  Là kết quả sau 8 tháng Tô Hoài cùng bộ đội lên giải phóng mảnh đất Tây Bắc |
| Thể loại | Truyện ngắn |
| Kết cấu | 1. phần: -Mị và A phủ ở Hồng Ngài   -Mị và A Phủ ở Phiềng Sa |
| Giá trị nội dung | * Giá trị hiện thực: * Phản ánh bức tranh hiện thực về một xã hội tàn bạo bất công. * Phản ánh số phận những con người bị áp bức, đau khổ, đặc biệt là số phận bi kịch của người phụ nữ. * Giá trị nhân đạo: * Là tiếng nói cảm thương trước số phận bi kịch của con người * Là tiếng nói lên án các thế lực xấu xa * Là tiếng nói khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm và những khát vọng chân chính của con người |
| Giá trị nghệ thuật | * Ngôn ngữ văn học dân tộc và thể thơ lục bát đạt đến đỉnh cao rực rỡ * Nghệ thuật tự sự có sự phát triển vượt bậc…. |

* 1. **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC VỀ VĂN BẢN**

**2.3.1.Trải nghiệm cùng văn bản và tìm hiểu khái quát**

1. **Mục tiêu**

* Đọc diễn cảm 1 đoạn văn
* Tóm tắt diễn biến của nhân vật
* Xác định được bố cục, phân chia nội dung
* Nghệ thuật khắc họa nhân vật và các yếu tố tham gia cấu thành thiên truyện

1. **Nội dung:** HS đọc đồng thanh đoạn trích, xác định kết cấu, phân chia bố cục; xác định các yếu tố nghệ thuật cấu thành truyện ngắn.
2. **Sản phẩm:** Bài đọc của HS-> câu trả lời cá nhân
3. **Tổ chức thực hiện**

* **Giao nhiệm vụ**
  + GV đọc mẫu 1 đoạn, cả lớp đọc đồng thanh
  + HS trả lời các câu hỏi:

+ Xác định kết cấu của tác phẩm?

+ Những mốc thời gian quan trọng trong cuộc đời của nhân vật Mị?

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật của Tô Hoài có gì độc đáo?

* **Thực hiện:** Hs thực hiện nhiệm vụ
* **Báo cáo:** Gọi 1,2 HS trả lời cá nhân-> HS khác bổ sung
* **Đánh giá:** GV nhận xét chốt**:** Nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc: nhân vật điển hình, có tính cách, nội tâm rõ nét**.**

**2.3.2. Nghịch cảnh và sự lựa chọn của Mị và A Phủ**

**a. Mục tiêu**

+ Tìm hiểu về hoàn cảnh, tính cách, số phận với chuỗi diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật

+Gọi tên/xác định và truy xuất thông tin chi tiết, hình ảnh từ trong văn bản, dựa vào các yếu tố đặc trưng của thể loại truyện để phân loại chúng nhằm mục đích rút ra thông điệp của tác phẩm và ý đồ nghệ thuật của tác giả.

+Gọi tên được thông điệp của các tác phẩm và phân tích được giá trị của các yếu tố đặc trưng thể loại trong việc hình thành thông điệp của tác phẩm.

+ Thấy được những đóng góp của tác giả trong nghệ thuât khắc hoạ tính cách nhân vật, lối kể chuyện linh hoạt, sự tinh tế trong diễn tả thế giới nội tâm, am hiểu về phong tục tập quán người Mông, lời văn tinh tế mang màu sắc dân tộc và giàu chất thơ.

**b.Nội dung:** Trích xuất chi tiết tiêu biểu về nhân vật, phân loại theo đặc trưng thể loại, rút ra thông điệp của văn bản

**c.Sản phẩm: Thuyết trình diễn biến nội tâm của nhân vật bằng sơ đồ tư duy, câu trả lời cá nhân, phiếu học tập**

**d.Tổ chức thực hiện**

* **Giao nhiệm vụ**

**-** Giáo viên cung cấp video về đọc hiểu chi tiết tác phẩm Vợ chồng A Phủ

+ Làm việc theo cặp: Nhận xét sự xuất hiện của Mị ở đầu tác phẩm qua các chi tiết sau: ngoại hình, tư thế, công việc. Những chi tiết đó dự báo điều gì về số phận Mị cho người đọc?

+ Có thể chia cuộc đời Mị thành mấy chặng?

+Nghệ thuật xây dựng nhân vật A Phủ?

Trả lời câu hỏi bằng hoạt động nhóm (6 nhóm):

GV phát Phiếu học tập cho các nhóm:

Nhóm 1: Mị trước khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra

Nhóm 2: Mị sau khi về làm dâu nhà thống lí Pá Tra

Nhóm 3: Tâm trạng và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân

Nhóm 4: Tâm trạng và hành động của Mị khi chứng kiến A Phủ bị trói.

Nhóm 5: Cuộc đời và số phận của nhân vật A Phủ

Nhóm 6: Tìm hiểu về cốt truyện, không gian, thời gian, ngôn ngữ, nghệ thuật

**Thực hiện:** HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.

* **Báo cáo:** Gọi 3 nhóm có sản phẩm tốt nhất lên trình bày ->HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung
* **Đánh giá:** + GV nhận xét và chốt lại những nội dung chính

+ Nhấn mạnh về sự lựa chọn của nhân vật

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |
| **PHIẾU HỌC TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VỢ CHỒNG A PHỦ** | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |
| **1. NHÂN VẬT** | | **LUẬN ĐIỂM** | **DẪN CHỨNG** | **PHÂN TÍCH-BÌNH LUẬN** | **THÔNG ĐIỆP** |
|
| **NHÂN VẬT MỊ** | | **Mị trước khi trở thành con dâu gạt nợ** |  |  |  |
| **Mị sau khi trở thành dâu gạt nợ nhà Pá Tra** |  |  |  |
| **Mị trong đêm tình mùa xuân** |  |  |  |
| **Mị trong đêm mùa đông, giải cứu A Phủ** |  |  |  |
| **NHÂN VẬT A PHỦ** | | **Số phận đặc biệt của A Phủ** |  |  |  |
| **Tính cách đặc biệt của A Phủ** |  |  |  |
| **NHÂN VẬT BÀ CỤ TỨ** | | **Gia cảnh** |  |  |  |
| **Khi Tràng ra mắt người vợ Nhặt** |  |  |  |
| **Trong bữa sáng hôm sau** |  |  |  |
| **2.BỐI CẢNH** | | **Không gian** |  | | |
| **Thời gian** |  | | |
| **3.CỐT TRUYỆN** | | **Tình huống truyện** |  | | |
| **Cốt truyện** |  | | |
| **4.NGÔN NGỮ** | |  | | | |

* **2.3.4.Tổng kết**
* **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi hs trả lời nhanh:Nêu đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm?
* **Thực hiện:** HS suy nghĩ trả lời cá nhân
* **Báo cáo:** 1,2 HS phát biểu, các bạn khác góp ý
* **Đánh giá, nhận xét:** GV chốttheo ghi nhớ SGK

1. **Nội dung:**

***a.Giá trị hiện thực***

- Miêu tả chân thực số phận nô lệ cực khổ của người lao động nghèo Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn cường quyền phong kiến miền núi.

- Truyện cho thấy bản chất tàn bạo của giai cấp phong kiến thống trị ở miền núi.

***b*. *Giá trị nhân đạo***

- Thể hiện tình yêu thương, sự đổng cảm sâu sắc của tác giả với thân phận đau khổ của người dân lao động miền núi trước Cách mạng

- Trân trọng và ngợi ca và thể hiện niềm tin vào vẻ đẹp tâm hồn, sức sống mãnh liệt, khả năng cách mạng của nhân dân Tây Bắc;…

- Tố cáo, lên án, phơi bày bản chất xấu xa, tàn bạo của giai thống trị

**2. Nghệ thuật:**

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật có nhiều điểm đặc sắc (A Phủ được miêu tả qua hành động, Mị chủ yếu được khắc họa qua tâm tư, suy nghĩ…).

- Trần thuật uyển chuyển, linh hoạt; cách giới thiệu nhân vật đầy bất ngờ, tự nhiên mà ấn tượng; kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

1. **Mục tiêu**: Thấy được điểm giống và khác nhau trong nghệ thuật khắc họa hai nhân vật Mị và A Phủ
2. **Nội dung:** HS vẽ sơ đồ Venn
3. **Sản phẩm:** Sơ đồ Venn
4. **Tổ chức hoạt động**

* **Giao nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm đôi vào phiếu học tập hoàn thành sơ đồ Venn
* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời câu hỏi
* **Báo cáo, thảo luận:** GV mời 1 nhóm báo cáo trước lớp-> các nhóm khác bổ sung
* **Kết luận, nhận định:** GV chốt.

**VĂN BẢN 2: VỢ NHẶT- KIM LÂN**

**Hoạt động 1: Rút kinh nghiệm về đọc hiểu văn bản truyện (Khởi động)**

**a.Mục tiêu:** Học sinh rút ra được phương pháp tối ưu để đọc hiểu văn bản truyện

**b. Nội dung:** Cách thức tiếp cận thông điệp văn bản truyện

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm nhóm **-**thuyết trình bằng powpoint

**d.Tổ chức thực hiện**

* **Giao nhiệm vụ**

Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận về bí kíp tiếp cận văn bản Truyện

+ Để đọc hiểu văn bản truyện hiệu quả, anh/chị dựa vào những đặc trưng nào?

+Phiếu học tập giúp hs tóm tắt ngắn gọn diễn biến tâm lý và hành động của nhân vật?

* **Thực hiện:** Hs thực hiện nhiệm vụ
* **Báo cáo:** Gọi 1,2 nhóm HS trình bày-> các nhóm khác nhận xét
* **Đánh giá:** GV nhận xét chốt:

Các bước cần lưu ý khi tiếp cận văn bản truyệ**n**

1/ khai thác hệ thống nhân vật

2/ khai thác cốt truyện tình huống truyện

3/ Khai thác không gian- thời gian nghệ thuật

4/ khai thác các yếu tố nghệ thuật: ngôn ngữ, giọng điệu, bút pháp

5/ sử dụng sơ đồ quả núi để tái hiện quá trình diễn biến của nhân vật thông qua chuỗi sự kiện, chi tiết

7/ Xác định thông điệp có giá trị từ văn bản

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**1. Trải nghiệm và tìm hiểu khái quát về văn bản**

1. **Mục tiêu**

* Đọc diễn cảm 1 đoạn văn
* Những thông tin về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của tác giả Kim Lân
* Xác định được bố cục, phân chia nội dung
* Xác định các yếu tố tham gia vào việc cấu thành tác phẩm Vợ Nhặt; tập trung vào nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, xây dựng nhân vật của Kim Lân

1. **Nội dung:** HS đọc đồng thanh 1 đoạn văn,kiến thức về tác giả, xác định vị trí, phân chia bố cục, nêu được những đặc sắc nghệ thuật trong truyện ngắn Kim Lân.
2. **Sản phẩm:** HS đọc bài, câu trả lời cá nhân
3. **Tổ chức thực hiện**

* **Giao nhiệm vụ**
  + GV đọc mẫu 1 đoạn, cả lớp đọc đồng thanh
  + HS trả lời các câu hỏi:

+ Những hiểu biết của anh/ chị về tác giả?

+ Xuất xứ của tác phẩm?

+ Bố cục của văn bản? Nội dung chính của từng phần?

+ Bút pháp xây dựng nhân vật? Nhận xét về tình huống truyện trong Vợ Nhặt

* **Thực hiện:** Hs thực hiện nhiệm vụ
* **Báo cáo:** Gọi 1,2 HS trả lời cá nhân -> HS khác bổ sung
* **Đánh giá:** GV nhận xét chốt ý:
* **Tác giả**  
  -Tên khai sinh: Nguyễn Văn Tài (1920-2007).  
  -Quê: làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.  
  -Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2001.  
  -Tác phẩm chính: Nên vợ nên chồng (1955), Con chó xấu xí (1962).  
  -Kim Lân là cây bút truyên ngắn. Thế giới nghệ thuật của ông thường viết về khung cảnh nông thôn, hình tượng người nông dân. Đặc biệt, ông có những trang viết đặc sắc về phong tục và đời sống thôn quê. Kim Lân là nhà văn một lòng một dạ đi về với "đất", với "người", với "thuần hậu nguyên thuỷ" của cuộc sống nông thôn.
* **Tác phẩm:**  
  - Xuất xứ: *Vợ nhặt* là truyện ngăn xuất sắc in trong tập truyện *Con chó xấu xí* (1962).  
  - Bối cảnh xã hội của truyện: Phát xít Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay nên tháng 3 năm 1945 nạn đói khủng khiếp đã xảy ra. Chỉ trong vòng vài tháng, từ Quảng Trị đến Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta chết đói.

1. **Nghịch cảnh và sự lựa chọn của nhân vật Tràng- Thị- bà Cụ Tứ**
2. **Mục tiêu:** Phân tích quá trình thay đổi về tâm lý, hành động để thấy được sự lựa chọn của các nhân vật trước nghịch cảnh.
3. **Nội dung:** Dựa vào phiếu học tập tìm hiểu về các nhân vật
4. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trên phiếu học tập
5. **Báo cáo:**
6. **Tổ chức thực hiện**

* **Giao nhiệm vụ**

- Gv cung cấp video đọc hiểu chi tiết về tác phẩm Vợ nhặt cho học sinh

- GV chia lớp thành 6 nhóm HS thảo luận nhóm hoàn thành PBT phân tích trong thời gian 15 phút

* Nhóm 1+2: phân tích nhân vật Tràng
* Nhóm 3+4: phân tích nhân vật Thị
* Nhóm 5+6: phân tích nhân vật Bà cụ Tứ
* HS đổi nhóm theo kĩ thuật chia nhóm-> chia sẻ những nội dung mà nhóm mình thảo luận được cho các bạn trong nhóm mới nghe=> HS nghe nhận xét, bổ sung cách bạn mình trình bày và ghi bằng bút đỏ những nội dung góp ý cho nhóm bạn vào PHT
* **Thực hiện:** Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV
* **Báo cáo: GV g**ọi cả nhóm 1,3,5 lên thuyết trình-> HS các nhóm khác bổ sung
* **Đánh giá:** GV nhận xét chốt theo PBT

**2.1 Nghịch cảnh và sự lựa chọn của Tràng, Thị, Bà cụ Tứ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | |  |
| **PHIẾU HỌC TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VỢ NHẶT** | | | | | | |
|  |  |  |  |  | |  |
| **1. NHÂN VẬT** | | **LUẬN ĐIỂM** | **DẪN CHỨNG** | **PHÂN TÍCH-BÌNH LUẬN** | | **THÔNG ĐIỆP** |
|
| **NHÂN VẬT TRÀNG** | | **Trước khi “nhặt” vợ** |  |  | |  |
| **Khi quyết định “nhặt” vợ** |  |  | |  |
| **Khi đưa Thị về xóm ngụ cư** |  |  | |  |
| **Khi giới thiệu vợ nhặt với mẹ** |  |  | |  |
| **Buổi sáng hôm sau** |  |  | |  |
| **NHÂN VẬT THỊ** | | **Trước khi trở thành vợ  nhặt** |  |  | |  |
| **Khi gặp Tràng lần 1** |  |  | |  |
| **Khi gặp Tràng lần 2** |  |  | |  |
| **Khi theo Tràng về xóm ngụ cư** |  |  | |  |
| **Khi ra mắt bà cụ Tứ** |  |  | |  |
| **Buổi sáng hôm sau** |  |  | |  |
| **NHÂN VẬT BÀ CỤ TỨ** | | **Gia cảnh** |  |  | |  |
| **Khi Tràng ra mắt người vợ Nhặt** |  |  | |  |
| **Trong bữa sáng hôm sau** |  |  | |  |
| **2.BỐI CẢNH** | | **Không gian** |  | | | |
| **Thời gian** |  | | | |
| **3.CỐT TRUYỆN** | | **Tình huống truyện** |  | | | |
| **Cốt truyện** |  | | | |
| **4.NGÔN NGỮ** | | | | |  | |

**3. Tổng kết**

* **Giao nhiệm vụ:** HS vẽ sơ đồ tư duy tổng kết nội dung và nghệ thuật của bài học
* **Thực hiện:** Vẽ sơ dồ tư duy
* **Báo cáo:** Gọi 1,2 HS trình bày
* **Đánh giá:** Nhận xét, chốt nội dung và nghệ thuật của bài học theo ghi nhớ SGK

**Hoạt động 3: Vận dụng**

1. **Mục tiêu:** Kết nối bài học với cuộc sống
2. **Nội dung:** HS trả lời câu hỏi
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân
4. **Tổ chức:**

* **Giao nhiệm vụ:** Nhà văn đặt các nhân vật trước những nghịch cảnh khắc nghiệt. Thế nhưng, các nhân vật đã có những lựa chọn sáng suốt để bước qua nghịch cảnh. Giả sử một lần trong đời, phải đối diện với nghịch cảnh, em nghĩ điều gì quan trọng nhất có thể giúp bản thân bước qua thử thách?
* **Thực hiện:** HS viết ra giấy
* **Báo cáo:** Gọi 1, 2 HS chia sẻ
* **Đánh giá:** GV chốt

**PHẦN VIẾT**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

1. **Mục tiêu:** tạo tâm thế, dẫn dắt chuyển từ phần đọc vào phần viết
2. **Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trên PBT
3. **Sản phẩm:** câu trả lời trên PBT
4. **Tổ chức hoạt động**

* **Giao nhiệm vụ:** GV phát PHT, hs làm trực tiếp vào phiếu

1/ Để khắc họa nhân vật nội tâm của nhân vật , nhà văn đã tập trung vào yếu tố nào sau đây:

* 1. Ngoại hình
  2. Tính cách
  3. Hành động
  4. **Diễn biến tâm lí và hành động**

2/ Nhân vật Mị trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ được tái hiện theo bút pháp nào sau đây

* 1. Bút pháp lý tưởng hóa
  2. **Bút pháp khai thác tâm lý nhân vật**
  3. Bút pháp ước lệ
  4. Bút pháp đối lập

3/ Nhân vật Mị với những diễn biến tâm lý trong đêm tình mùa xuân và đêm Đông giải cứu A Phủ biểu đạt nội dung chính nào:

a.Cảnh mùa xuân trên Hồng Ngài

b.Văn hóa đặc thù của Tây Bắc

c.Tả thực về tội ác của giai cấp thống trị

d. Khám phá sức sống tiềm tàng của nhân vật

4/ Để khắc họa thành công nhân vật, nhà văn chọn những yếu tố nào để miêu tả

1. Cốt truyện- tình huống truyện
2. Bối cảnh
3. Ngôn ngữ
4. **Tất cả các yếu tố trên**

* **Báo cáo:** GV chiếu đáp án, HS đổi bài chấm chéo cho bạn
* **Đánh giá, kết luận: GV chốt**
* GV có thể dựa trên bài trắc nghiệm này giúp hs chỉ ra được những yếu tố cần thiết khi phân tích nhân vật và tác dụng của chúng. Lưu ý hs cần sử dụng yếu tố đặc trưng của truyện ngắn để khai thác vẻ đẹp nội tâm của nhân vật.
* **Dẫn dắt vào bài:** *Để làm bài văn nghị luận văn học phân tích về nhân vật học sinh cần xác định tác dụng của bút pháp xây dựng nhân vật và các yếu tố đặc trưng thể loại để làm rõ đặc điểm của nhân vật.*

**Hoạt động 2: Củng cố và hình thành kiến thức**

**1.Viết bài văn: Phân tích nhân vật**

**Đề: Phân tích quá trình diễn biến tâm lí của nhân vật Mị trong tác phẩm Vợ chồng a Phủ**

1. **Mục tiêu:** HS nhận biết được đặc điểm nổi bật của bài văn phân tích nhân vật có kết hợp bút pháp miêu tả tâm lý nhân vật.
2. **Nội dung:**

* HS phân tích nhân vật văn học sử dụng bút pháp miêu tả tâm lý
* **c.** **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trên PHT

**d. Tổ chức hoạt động**

* **Giao nhiệm vụ**
* **Phân tích diễn biến Mị trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ**
* Đọc lại phiếu học tập các nhóm đã tạo ở phần đọc hiểu
* Xây dựng dàn ý chi tiết cho đề văn
* GV gọi HS đại diện các nhóm trình bày, mỗi nhóm trình bày một ý, các nhóm khác theo dõi nhận xét, bổ sung.
* Yêu cầu HS khái quát lại cách làm bài văn phân tích nhân vật có sử dụng bút pháp khai thác tâm lý nhân vật
* **Thực hiện nhiệm vụ**:
* Cá nhân HS đọc văn bản
* Thảo luận nhóm 4 HS và thống nhất câu trả lời trong phiếu bài tập.
* **Báo cáo:**HS khái quát lại cách làm một bài văn phân tích nhân vật có sử dụng bút pháp khai thác tâm lý
* GV mời HS đại diện các nhóm trình bày, mỗi nhóm trình bày một ý, các nhóm khác theo dõi nhận xét, bổ sung.
* 1-2 HS trình bày khái quát cách làm bài văn phân tích nhân vật có sử dụng bút pháp khai thác tâm lý
* **Đánh giá:** GV nhận xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ thảo luận nhóm.

1**.2. Viết đoạn văn nghị luận xã hội:**

**Chủ đề: Sự lựa chọn trong nghịch cảnh**

**a.Mục tiêu: Hình thành kĩ năng viết đoạn văn Nghị luận xã hội**

**b.Nội dung:** Viết đoạn văn về chủ đề : Sự lựa chọn trong nghịch cảnh

**c.Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy về đoạn văn

**d. Tổ chức hoạt động**

* **Giao nhiệm vụ**
* Chọn chủ đề
* Xây dựng dàn ý chi tiết cho đoạn văn bằng sơ đồ tư duy bằng hoạt động nhóm
* Cá nhân viết đoạn văn hoàn chỉnh
* GV gọi HS đại diện các nhóm trình bày, mỗi nhóm trình bày một ý, các nhóm khác theo dõi nhận xét, bổ sung.
* **Thực hiện nhiệm vụ**:
* Nhóm thực hiện nhiệm vụ: thiết kế sơ đồ tư duy
* Cá nhân hoàn thiện đoạn văn
* GV mời HS đại diện các nhóm trình bày, mỗi nhóm trình bày nội dung cụ thể, các nhóm khác theo dõi nhận xét, bổ sung.
* Rút kinh nghiệm về kĩ thuật dựng đoạn văn nghị luận xã hội
* **Báo cáo:** Học sinh báo cáo sản phẩm sơ đồ tư duy, 1-2 học sinh trình bày bài văn hoàn cảnh
* **Đánh giá:** GV nhận xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ thảo luận nhóm.

+ Rút ra bí kịp dựng đoạn văn

+ Lưu ý vai trò của dẫn chứng

**3. Hoạt động 3: Viết theo qui trình**

**3.1: Trước khi viết**

**Bước 1: Chọn đề tài**

* **Giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm 8 nhóm=> thảo luận tìm ra đề tài
* **Thực hiện: HS thảo luận**
* **Báo cáo:** GV gọi đại diện nhóm chia sẻ đề tài nhóm tìm được , GV ghi lại nhanh trên bảng
* **Đánh giá, kết luận**: GV hướng dẫn HS phân tích đề và chốt lại đề tài cho bài viết của mình.

**+**Phân tích diễn biến tâm lý của nhân vật Mị trong truyện ngắn Vợ Chồng A Phủ của Tô Hoài

**Bước 2: Lập ý: thực hiện theo PHT**

* **Thực hiện:** HS thảo luận
* **Báo cáo:** GV gọi đại diện nhóm chia sẻ các ý nhóm tìm được, các nhóm khác bổ sung góp ý
* **Đánh giá, kết luận**: GV hướng dẫn HS phân tích và chốt

**Bước 3: Lập dàn bài**

* **Giao nhiệm vụ:** HS tiếp tục thảo luận nhóm và hình thành dàn ý
* **Thực hiện:** HS thảo luậnhoàn thành dàn ý
* **Báo cáo:** GV gọi đại diện nhóm chia sẻ các ý nhóm tìm được, các nhóm khác bổ sung góp ý
* **Đánh giá, kết luận**: GV hướng dẫn HS phân tích và chốt định hướng
  + Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung đề
  + Thân bài: phân tích được diễn biến nội tâm của nhân vật Mị.
  + Kết bài: Khái quát nội dung, nghệ thuật, liên hệ bản thân.

**3.2 Trong khi viết**

* **Giao nhiệm vụ:** HS tiến hành viết lần lượt các đoạn mở bài, than bài, kết bài
* **Thực hiện:** HS viết cá nhân
* **Báo cáo:** GV gọi cá nhân hs đọc từng đoạn, các bạn khác góp ý, bổ sung
* **Đánh giá, kết luận**: GV nhận xét, chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm sau ( Đính kèm phiếu học tập đã có nội dung)

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  | |  |  |
|  | |  |  |
|  | |  |  |

**3.3 Sau khi viết (4 phút)**

* **Giao nhiệm vụ**
* HS viết vào sổ ghi chép mình đã làm được gì và chưa làm được gì + giải pháp
* HS về nhà viết đoạn văn nghị luận xã hội về chủ đề: Sự lựa chọn trong nghịch cảnh
* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn ở nhà theo yêu cầu-> nộp lại cho bạn trợ giảng chấm, sửa.
* **Báo cáo kết quả**
* 1,2 HS nếu ngắn gọn những điểm mình đã làm được và chưa làm được+giải pháp
* **Đánh giá kết quả:** Bạn trợ giảng chấm cho 4 bạn trong nhóm **->** GV kiểm tra/ chấm bài, sửa bài cho HS và nhận xét quá trình làm việc, sản phẩm của HS.

**Hoạt động 3: vận dụng:**

1. **Muc tiêu: Phân tích diễn biến tâm lý bà cụ Tứ trong truyện ngắn Vợ Nhặt –Kim Lân**
2. **Nội dung:** Hs làm trên những đề cụ thể mà GV đưa
3. **Sản phẩm:** Dàn ý và bài viết hoàn chỉnh theo đề mà GV đưa
4. **Tổ chức hoạt động: Tùy vào số tiết theo PPCT của từng trường biên soạn mà GV tổ chức luyện tập cho HS thêm các đề khác nhau**

**PHẦN NÓI VÀ NGHE**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

1. **Mục tiêu:** Đối thoại để tìm ra câu trả lời cho những vấn đề còn thắc mắc về hai văn bản: Vợ chồng A Phủ và Vợ Nhặt
2. **Nội dung**: Thảo luận nhớm về các vấn đề liên quan đến hai văn bản
3. **Sản phẩm:** Kết quả thảo luận nhóm ghi nhận qua Phiếu học tập
4. **Tổ chức hoạt động**

* **Giao nhiệm vụ**:

-Chia lớp thành 4 nhóm

-Sử dụng kĩ thuật vòng tròn văn chương

- Mỗi nhóm đảm nhận 4 vai trò:

+ Vai trò 1: Người xây dựng ý tưởng

+Vai trò 2: Xây dựng câu hỏi

+ Vai trò 3: Kết nối tri thức văn bản với cuộc sống

+Vai trò 4: Vẽ tranh

* Nhóm 1-2: thảo luận về Vợ chồng A Phủ
* Nhóm 3-4: thảo luận về Vợ Nhặt
* Thời gian:25 phút

-Học sinh tiến hành thảo luận bằng cách điền vào phiếu học tập thông tin cần thiết

-Tiến hành đổi 2 thành viên tự do từ nhóm 1=> nhóm 2, từ nhóm 3=> nhóm 4

- Nhóm trưởng nhóm 1,2 chia sẻ kết quả cho nhóm 3,4 và ngược lai.

* **Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện các yêu cầu của GV.
* **Báo cáo**: Gọi đại diện nhóm chia sẻ kết quả làm việc nhóm
* **Đánh giá:** GV nhận xét đánh giá, chốt chuyển ý vào bài

**Hoạt động 2: THỰC HÀNH NÓI - NGHE**

**a.Mục tiêu:** Trình bày lại kết quả thảo luận của nhóm

b. Nội dung: trả lời các câu hỏi các nhóm đặt ra về tác phẩm Vợ chồng A phủ và Vợ Nhặt

c. **Sản phẩm**: đối thoại trực tiếp

**d. Tổ chức hoạt động**

**Bước 1: Trước khi nói**

* **Giao nhiệm vụ**
* HS xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian, cách nói
* HS xác định các từ khóa, chi tiết, hình ảnh tiêu biểu gợi ra từ hai văn bản
* **Thực hiện nhiệm vụ**: HS làm việc cá nhân
* **Báo cáo:** Gọi đại diện nhóm trình bày
* **Đánh giá**: GV nhận xét, chốt

**Bước 2: Thực hành luyện nói - nghe**

* **Giao nhiệm vụ:**
* Lớp chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm 4 bạn. Mỗi nhóm thực hiện 4 vai trò khác nhau
* **Thực hiện nhiệm vụ**: HS luyện nói ở nhóm, rồi nói trước lớp
* **Báo cáo kết quả**: đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, ghi nhận kết quả nhóm bạn.
* **Đánh giá kết quả**
* HS làm việc nhóm đánh giá bài nói của bạn theo bảng kiểm + cộng điểm của các nhóm lại + GV cho điểm-> chia trung bình ra điểm chung.

- GV nhận xét, cho điểm-> chốt cho điểm

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC DỘ** | | |
| 3 | 2 | 1 |
| Vai trò 1 | Chọn được các từ khoá đúng trọng tâm bài học và nội dung chuyên đề, có ý tưởng sáng tạo, sâu sắc | Có 1 từ chưa đúng trọng tâm văn bản hoặc nội dung chuyên đề | Không chọn được các từ khoá hoặc các từ khoá chưa đúng trọng tâm văn bản hoặc nội dung chuyên đề |
| Vai trò 2 | Đặt được hệ thống câu hỏi liên quan đến các từ khoá; câu hỏi xoáy vào nội dung chuyên đề; trả lời đầy đủ, nổi bật được ý tưởng (các từ khoá) ban đầu và nội dung chuyên đề | Có 1 câu hỏi không liên quan đến các từ khoá hoặc không hỏi xoáy vào nội dung chuyên đề; hoặc câu trả lời chưa đầy đủ, chưa nổi bật được ý tưởng (các từ khoá) ban đầu và nội dung chuyên đề | Chưa đặt được hệ thống câu hỏi liên quan đến các từ khoá; câu hỏi chưa xoáy vào nội dung chuyên đề; trả lời chưa đầy đủ, nổi bật được ý tưởng (các từ khoá) ban đầu và nội dung chuyên đề |
| Vai trò 3 | Nêu và phân tích được thông điệp từ văn bản, làm nổi bật được nội dung chuyên đề | Nêu được nhưng chưa phân tích được thông điệp từ văn bản, chưa làm nổi bật được nội dung chuyên đề | Không nêu được thông điệp |
| Vai trò 4 | Vẽ được bức tranh được gợi ra từ văn bản và thuyết minh được ý đồ của mình khi vẽ, làm nổi bật được ý nghĩa của chuyên đề | Vẽ được bức tranh được gợi ra từ văn bản nhưng thuyết minh chưa rõ được ý đồ của mình khi vẽ, chưa làm nổi bật được ý nghĩa chuyên để | Không vẽ được bức tranh hoặc không thuyết minh được ý đồ khi vẽ |
| Hợp tác | Biết phân công hợp lý, có trách nhiệm hoàn thành vai trò, biết trao đổi, hỗ trợ nhau để giải quyết vấn đề | Phân công còn chưa hợp lý, tương đối có trách nhiệm hoàn thành vai trò, còn một vài vấn đề chưa biết trao đổi, hỗ trợ nhau để giải quyết | Không có tinh thần, khả năng hợp tác |
| Thuyết trình | Truyền tải đầy đủ, rõ ràng, đúng trọng tâm nội dung chuẩn bị; phong thái bình tĩnh, tự tin, truyền cảm | Truyền tải chưa đầy đủ hoặc không đúng trọng tâm hoặc không rõ ràng một vài nội dung chuẩn bị; phong thái còn rụt rè, thiếu tự tin | Không có khả năng thuyết trình |
| Trả lời câu hỏi | Xác định được nội dung câu hỏi; trả lời đầy đủ, giải quyết được câu hỏi, câu trả lời sâu sắc, gây ấn tượng | Xác định được nội dung câu hỏi; trả lời tương đối đầy đủ, giải quyết được câu hỏi, còn một vài chỗ cần trao đổi thêm | Không xác định được nội dung câu hỏi; không trả lời được câu hỏi |

**Hoạt động 3: Kết thúc (5 phút)**

**1. Mục tiêu:** Liệt kê được những điều mình học được và biện pháp để luyện tập

**2. Tổ chức hoạt động**

* **Giao nhiệm vụ:** Hs viết những điều em đã học được qua chuyên đề. HS nêu kế hoạch để luyện nói cho bản thân
* **Thực hiện**: HS làm việc cá nhân, chia sẻ nhóm
* **Báo cáo:** 1,2 hs phát biểu
* **Đánh giá**: GV nhận xét, chốt

**ÔN TẬP TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ (tùy vào sự bố trí của các thầy cô)**

**B. CÁC HỒ SƠ KHÁC**

**1. PHIẾU HỌC TẬP (ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VỢ CHỒNG A PHỦ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG NGHỆ THUẬT NHÂN VẬT** | **CÁC PHÂN ĐOẠN CUỘC ĐỜI MỊ** | **CHI TIẾT TIÊU BIỂU** | **BÌNH LUẬN** | **THÔNG ĐIỆP**  **( SỰ LỰA CHỌN)** |
| **NHÂN VẬT MỊ** | **Mị trước khi trở thành con dâu gạt nợ** | - Là cô gái trẻ đẹp, có tài thổi sáo: “*Trai đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buông Mị”, “Mị thổi sáo giỏi, Mị uốn chiếc lá trên môi,thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị”*  - Là cô gái ham làm, sẵn sàng lao động, không quản ngại khó khăn: “*Biết cuốc nương ngô, làm ngô trả nợ thay cho bố”*  - Là một cô gái yêu đời, yêu cuộc sống tự do, không ham giàu sang phú quý.  - Là người con hiếu thảo, tự trọng: *“Con nay đã biết cuốc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu”*  =>Mị xứng đáng sống cuộc đời hạnh phúc với đầy đủ mọi giá trị sẵn có. | Thái độ dứt khoát, rõ ràng, kiên quyết.  +Làm nương trả nợ >< làm con dâu gạt nợ  + lòng tự trọng, ý thức về nhân phẩm><tự do. | Lựa chọn giữa TỰ DO  (Khát vọng tự do có sẵn trong bản năng sống của Mị) |
|  | **Mị khi trở thành dâu gạt nợ nhà Pá Tra** | - Nguyên nhân: Vì món nợ truyền kiếp bố mẹ vay gia đình nhà thống lí Pá Tra nên Mị bị bắt về làm dâu gạt nợ  🡪 Mị là con nợ đồng thời cũng là con dâu nên số phận đã trói buộc Mị đến lúc tàn đời.  **- Lúc đầu**: Mị phản kháng quyết liệt.  + “*Có đến hàng mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc”…*  + Mị tính chuyện ăn lá ngón để tìm sự giải thoát.  + Vì lòng hiếu thảo nên phải nén nỗi đau riêng, quay trở lại nhà thống lí.  *-* **Những ngày làm dâu:**  + Bị vắt kiệt sức lao động:  *“Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa màu thì giặt đay, xe đay, đến mùa thi đi nương bẻ bắp, và dù lúc đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước thành sợi”*  *“Con ngựa con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc làm cả đêm cả ngày”*  🡪 Bị biến thành một thứ công cụ lao động, là nỗi cực nhục mà Mị phải chịu đựng.  + Chịu nỗi đau khổ về tinh thần: Bị giam cầm trong căn phòng *“kín mít,có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng”*  🡪 Sống với trạng thái gần như đã chết.  - Thái độ của Mị:  *+ “Ở lâu trong cái khổ, Mị cũng quen rồi.”*  *+ “Bây giờ Mị tưởng mình cũng là con trâu, cũng là con ngựa … ngựa chỉ biết ăn cỏ, biết đi làm mà thôi”*  *+ “Mỗi ngày Mị không nói, lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa.”*  => Sống tăm tối, nhẫn nhục, đau khổ, tê liệt về tinh thần, buông xuôi theo số phận.. | \*Trốn chạy nghịch cảnh  (giằng xé: vì mình – vì bố, chết cho mình – sống cho bố, giải thoát – cam chịu…)  => tình thương bố, đức hy sinh  -Đánh đổi mạng sống để giải thoát số phận nô lệ.  Thái độ thỏa hiệp với nghịch cảnh  - Ăn lá ngón tự tử (khi đã được quyền chết vì bố Mị đã chết) >< tiếp tục cuộc đời nô lệ.  => Tác động của hoàn cảnh sống đến con người(Lãnh cảm truyền thông – Đỗ Đức Hoàng)  => Sức mạnh đè nèn, áp chế của cường quyền, thần quyền => đẩy người nô lệ vào tình trạng mất ý thức về quyền sống. | =>Lựa chọn THỎA HIỆP  => khát vọng sống, ý thức đấu tranh tự phát, tiêu cực.  =>Lựa chọn trong vô thức, trạng thái vô cảm=> con đường tha hoá = đanh mất chính mình.  =>cam chịu, ù lì, tăm tối trong nhận thức, TƯ DUY NÔ LỆ.  (tư duy nô lệ, tư duy đám đông, tư duy nạn nhân, tư duy chắp vá, tư duy thoả hiệp…) |
|  | **Mị trong đêm tình mùa xuân** | **- Lúc uống rượu đón xuân:**  *- “Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát”*  🡪 Mị như đang uống cái đắng cay của phần đời đã qua, uống cái khao khát của phần đời chưa tới. Rượu làm cơ thể và đầu óc Mị say nhưng tâm hồn đã tỉnh lại sau bao ngày câm nín, mụ mị vì bị đày đọa.  - **Khi nghe tiếng sáo gọi bạn:**  + Nhớ lại những kỉ niệm ngọt ngào của quá khứ: thổi sáo, thổi lá giỏi, *“có biết bao người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị”*  *“… Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước… Mị muốn đi chơi…”*  + Mị có ý nghĩ lạ lùng mà rất chân thực: muốn tự tử.  *“Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại chỉ thấy nước mắt ứa ra”*  🡪 Mị đã ý thức được tình cảnh đau xót của mình.  + Trong đầu Mị vẫn đang rập rờn tiếng sáo:  *“Anh ném Pao, em không bắt*  *Em không yêu quả Pao rơi rồi”.*  🡪 Tiếng sáo biểu tượng cho khát vọng tình yêu tự do đã thổi bùng lên ngọn lửa tâm hồn Mị  + Những sục sôi trong tâm hồn đã thôi thúc Mị có những hành động:   * “*lấy ống mỡ xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa dầu”*   🡪 Mị muốn thắp sáng lên căn phòng vốn bấy lâu chỉ là bóng tối, thắp ánh sáng cho cuộc đời tăm tối của mình.   * *“quấn lại tóc, với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách”*   🡪 Mị muốn được đi chơi xuân, quên hẳn sự có mặt của A Sử.  **- Khi bị A Sử trói đứng:**  *+ “Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượi còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi...”*  🡪 Quên hẳn mình đang bị trói, vẫn thả hồn theo những cuộc chơi, những tiếng sáo gọi bạn tình tha thiết bên tai.  *+ “Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được...”*  🡪 Khát vọng đi chơi xuân đã bị chặn đứng.  *+ “Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.... Lúc lại nồng nàn tha thiết nhớ .... Mị lúc mê lúc tỉnh…”*  🡪 Tô Hoài đặt sự hồi sinh của Mị vào tình huống bi kịch: khát vọng mãnh liệt – hiện thực phũ phàng, khiến cho sức sống của Mị càng thêm mãnh liệt.  => Tư tưởng của nhà văn:  Sức sống của con người cho dù bị giẫm đạp, trói buộc nhưng vẫn luôn âm ỉ và có cơ hội là bùng lên. | Thái độ chấp nhận => đối đầu=> thách thức=>can đảm  - đi chơi trong mùa xuân >< không đi chơi vì A Sử cấm.  => sức sống, khát vọng sống, quá trình hồi sinh => khả năng đối đầu một cách trực diện với cường quyền (mâu thuẫn ngoại tại giữa Mị - A Sử).  => dám “cất tiếng nói” để đòi hỏi những QUYỀN LỢI chính đáng.  -Cất tiếng nói (hành trình thay đổi nhận thức bên trong – chuỗi độc thoại tâm với nhịp văn nhanh, dồn dập; thấu hiểu cảm xúc – đau đớn cho cuộc sống của mình – giả định, câu điều kiện; chuỗi hành trọng trong im lặng nhưng quyết liệt, dứt khoát để chuẩn bị đi chơi: chuỗi các cụm động từ) => hành động như một người câm đã thức tỉnh, đang đấu tranh.  => đẩy cao mâu thuẫn giữa 2 giai cấp: thống trị - bị trị, cường quyền – người nô lệ, áp chế nhân quyền - đòi hỏi quyền lợi chính đáng. | Lựa chọn con đường ĐẤU TRANH  =>Lựa chọn mang tính thách thức, thể hiện rõ sự thức tỉnh, ý thức đòi quyền lợi  -Sự bừng tỉnh về quyền sống, quyền tự do bên trong một con người nô lệ bị áp chế,đè nén. |
|  | **Mị trong đêm mùa đông, giải cứu A Phủ** | - Lúc đầu, khi chứng kiến cảnh thấy A Phủ bị trói mấy ngày đêm: *“Nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa hơ tay”*  🡪 Dấu ấn của sự tê liệt tinh thần.  - Khi nhìn thấy *“một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại…”* của A Phủ: Mị thức tỉnh dần.  *+ “Mị chợt nhớ lại đêm năm trước A Sử trói Mị”, “Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được”*  🡪 Nhớ lại mình, nhận ra mình và xót xa cho mình.  + Nhớ tới cảnh: Người đàn bà đời trước cũng bị trói đến chết  🡪 Thương người, thương mình.  + Nhận thức được tội ác của nhà thống lí: *“Trời ơi nó bắt trói đứng người ta đến chết. Chúng nó thật độc ác...”*  + Thương cảm cho A Phủ: *“Cơ chừng chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét”*  🡪 Từ lạnh lùng thương cảm, dần dần Mị nhận ra nỗi đau khổ của mình và của người khác.  + Mị lo sợ hốt hoảng, tưởng tượng khi A Phủ đã trốn được: *“lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy”*  🡪 Nỗi sợ như tiếp thêm sức mạnh cho Mị đi đến hành động.  - Liều lĩnh hành động: cắt dây mây cứu A Phủ *“Mị rón rén bước lại… Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây…”*  🡪 Hành động bất ngờ nhưng hợp lí: Mị dám hi sinh vì cha mẹ, dám ăn lá ngón tự tử nên cũng dám cứu người.  *+ “Mị đứng lặng trong bóng tối. Rồi Mị cũng vụt chạy ra”* | Thái độ: Dứt khoát, quyết liệt, mạnh mẽ:  1/quá trình giác ngộ bản chất của cường quyền, thần quyền  +nhìn rõ, gọi tên kẻ thù => chiến thắng nỗi sợ hãi.  + Đấu tranh bằng sức mạnh của tình thương + lòng căm thù + ý thức giai cấp + lòng can đảm => tiếng nói của tự do, khát vọng, hạnh phúc.  2/Hành trình cắt dây trói hữu hình + vô hình +> tìm lại chính mình => giành được quyền sống, quyền tự chủ, quyền tự do.  Mị lấy lại:  + tình thương  + tự trọng  + tiếng nói  Trở lại với chính mình.  => quá trình đấu tranh tự giác  => mở đường cho con đường đấu tranh cách mạng của người nô lệ trong xã hội miền núi (cường quyền, thần quyền). | - thay đổi về nhận thức (quyền sống), đối kháng giai cấp, giác ngộ cách mạng.  - tình yêu thương (sức mạnh của đồng cảm, hy sinh)  => Lựa chọn Cứu ><không cứu A Phủ  => đích đến của mọi sự lựa chọn được chuyển hóa bằng quá trình đấu tranh thoát khỏi NÔ LỆ, KHỔ ĐAU để bước qua TỰ DO – HẠNH PHÚC |
| **NHÂN VẬT A PHỦ** | **1.Số phận đặc biệt của A Phủ:**  **2.Tính cách đặc biệt của A Phủ** | - Từ nhỏ mồ côi cha mẹ, không người thân thích, sống sót qua nạn dịch  - Làm thuê, làm mướn, nghèo đến nỗi không thể lấy được vợ  - 10 tuổi bị bắt đem bán đổi lấy thóc của người Thái, sau đó trốn thoát và lưu lạc đến Hồng Ngài.  - Trở thành chàng trai khỏe mạnh, tháo vát, thông minh:*“chạy nhanh như ngựa”, “biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo”*  - Nhiều cô gái mơ ước được lấy A Phủ làm chồng: *“Đứa nào được A Phủ cúng bằng được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu”*  - Nhưng A phủ vẫn rất nghèo, không lấy nổi vợ vì phép làng và tục lệ cưới xin ngặt nghèo.  **-** Gan góc từ bé: “*A Phủ mới mười tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không chịu ở dưới cánh đồng thấp, A Phủ trốn lên núi, lạc đến Hồng Ngài”*  - Lớn lên: dám đánh con quan, sẵn sàng trừng trị kẻ ác: *“chạy vụt ra vung tay ném con quay rất to vào mặt A Sử .... Nó vừa kịp bưng tay lên. A Phủ đã xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp”*  - Khi trở thành người làm công gạt nợ:  + A Phủ vẫn là con người tự do: *“bôn ba rong ruổi ngoài gò ngoài rừng”*, làm tất cả mọi thứ như trước đây.  + Không sợ cường quyền, kẻ ác:   * Để mất bò, điềm nhiên vác nửa con bò hổ ăn dở về và nói chuyện đi bắt hổ một cách thản nhiên, điềm nhiên cãi lại thống lí Pá Tra. * Lẳng lặng đi lấy cọc và dây mây để người ta trói đứng mình.   🡪 Không sợ cái uy của bất cứ ai, không sợ cả cái chết.  - Bị trói vào cột, A Phủ nhai đứt hai vòng dây mây định trốn thoát  🡪 Tinh thần phản kháng là cơ sở cho việc giác ngộ Cách mạng nhanh chóng sau này.  🡺 Nghệ thuật xây dựng nhân vật rất đặc trưng: | - Thái độ: mạnh mẽ, quyết liệt, thể hiện tính cách, thói quen sống của đồng bào Mông: yêu thích cuộc sống tự do.  -Quyết liệt, mạnh mẽ, không run sợ trước cường quyền.  🡪Hàng loạt các động từ cho thấy sức mạnh và tính cách của A Phủ, không quan tâm đến hậu quả sẽ xảy ra.  =>Kết quả của chuỗi hành động cảm tính, thức thời, thiếu sự suy xét.  -Tính cách thẳng thắn, không suy tính đắn đo, không ý thức được tội ác, sự tàn nhẫn của giai cấp thống trị => kết cục: bị trói đứng, bỏ đói bỏ khát.  - Thái độ phản kháng quyết liệt trước bọn cường quyền  => Khi Mị chạy xin đi theo, A Phủ có thể từ chối cho khỏi phiền, nhưng anh đã đồng ý, vì đó là sự trả ơn cứu mạng. Đó cũng là cách xác nhận anh muốn có người đồng hành trên chặng đường đời tiếp theo. | 1.Sống cùng người Thái dưới cánh đồng thấp ><Trốn lên núi=> LỰA CHỌN CUỘC SỐNG TỰ DO= bản năng sinh tồn cuaer con người.  2. Đánh A Sử >< Không đánh => lựa chọn ĐẤU TRANH (thể hiện sự phản kháng quyết liệt trước sự áp chế của bọn cường quyền).  3. Lựa chọn thiên về hành động cảm tính, chưa có sự chuyển hóa về nhận thức, nhất là nhận thức về sự đối kháng giai cấp=> hoàn cảnh tác động vào con người.  4. Mất bò: bỏ trốn- quay về mượn súng đi bắt hổ .  => sự lựa chọn trước ý thức mơ hồ về giai cấp thống trị.  5. Đồng ý đưa Mị theo – từ chối.  =>lựa chọn nhanh chóng, dứt khoát.  => sự lựa chọn của lòng biết ơn. |
| **KHÔNG GIAN, THỜI GIAN** | 1.Không gian  2. Thời gian | -Tàu ngựa, tảng đá  -Căn buồng của Mị (cửa sổ, đĩa đèn)  -Bếp (cây cột trói người)  -Gian phòng xử kiện A Phủ  ><  - Hình ảnh núi rừng  - Mùa xuân: không khí, màu sắc, âm thanh, hoạt động của con người  -Chuỗi sự kiện, chi tiết về quá trình lựa chọn của Mị  -Chuyện đời của Mị chia theo các chặng  +Quá khứ xa: tự do  +Quá khứ gần: nô lệ trong thống lý  +Hiện tại: đấu tranh để giải phóng. | -không gian ở Hồng Ngài  -không gian nhà thống lý Pá Tra: hẹp, nhỏ, chi tiết, sự vật lặp đi lặp lại  => không gian của tội ác, của sự đè nén, sự áp chế về mặt thể chất và tinh thần  => không gian giam hãm: con người bị mắc kẹt => u mê, mất khả năng phản kháng  =>Gắn với thần quyền (ám ảnh về con ma nhà thống lý) => điển hình cho nỗi sợ, giam hãm con người.  -không gian bên ngoài (núi rừng, lễ hội đêm tình mùa xuân)  => không gian của tự do, của mơ ước, và sự đấu tranh ở nhân vật  => không gian của kí ức => không gian bị đánh mất => con đường trở thành những người nô lệ.  => tạo sự đối lập với không gian nhà thống lí:  - không gian Phiềng Sa  - THỜI GIAN:  Quá khứ gần – quá khứ xa – quá khứ gần – hiện tại (Mị và A Phủ thành du kích Phiềng Sa) | tác dụng:  -đánh thức, thổi bùng ngọn lửa của khát vọng sống tiềm tàng trong mị  -phê phán, tố cáo tội ác của giai cấp thống trị, đồng cảm với số phận của những người nô lệ trong xã hội miền núi.  => tái hiện theo đồng hiện, thấy con đường đi từ tự do – nô lệ - tự do (quá trình thay đổi: nhận thức – cảm xúc – hành động)  => quá trình lựa chọn của nhân vật. |

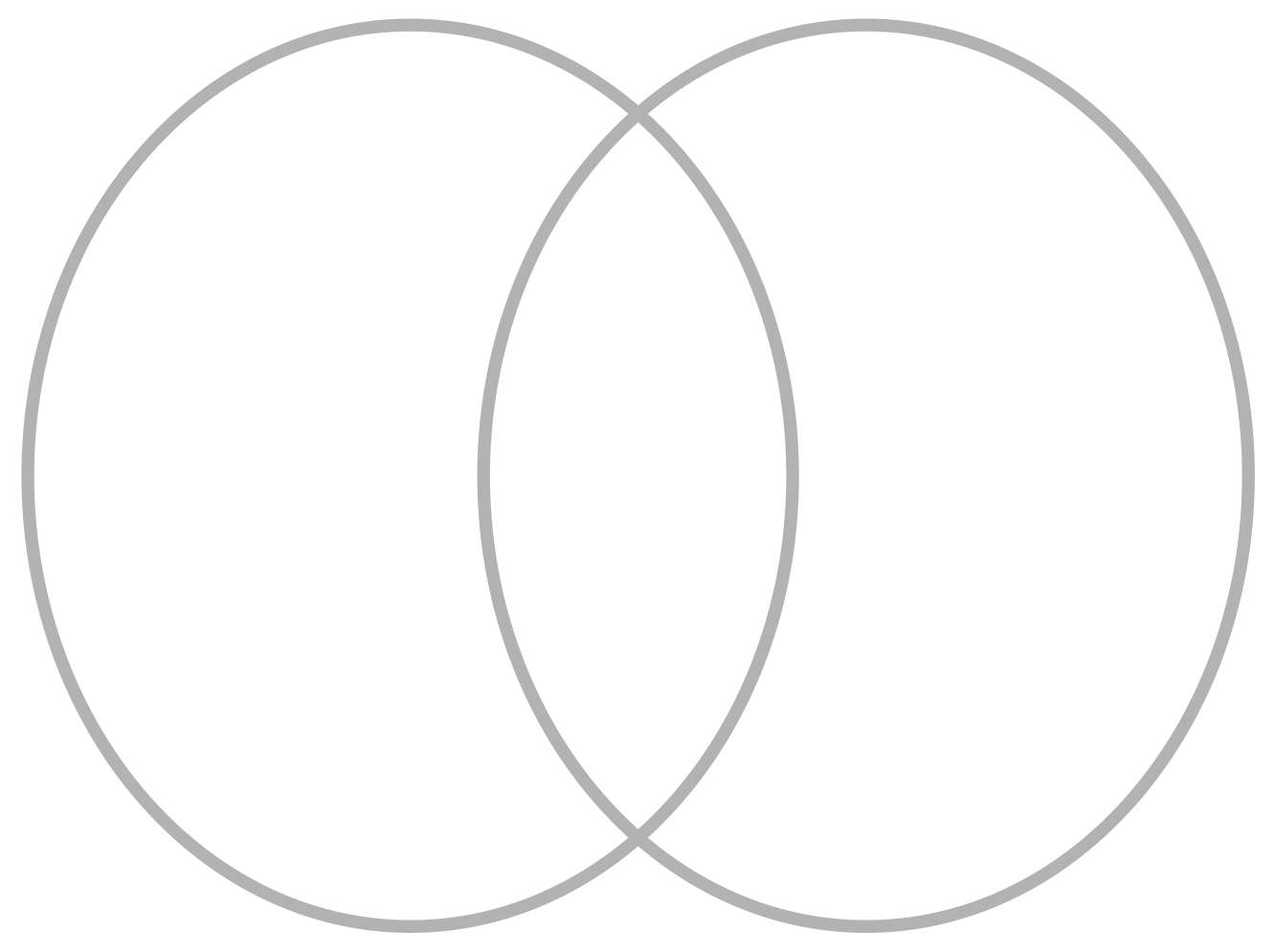
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CỐT TRUYỆN** |  | Chia làm 2 phần lớn:  - Quãng đời nô lệ và đấu tranh để giải phóng bản thân  - Cuộc sống tự do ở Phiềng Sa và sứ mệnh đi giải phóng những người nô lệ khác. | Khắc họa tính cách nhân vật ở mỗi chặng đường và sự chuyể hóa về nhận thức, cảm xúc, hành động từ cảm tính đến lý tính để thay đổi số phận | => Minh hoạ cho con đường đấu tranh từ tự phát – tự giác, đơn lẻ - cộng đồng. |
| **NGHỆ THUẬT** |  | - Miêu tả + phân tích tâm lý nhân vật (Lời kể + độc thoại nội tâm, chọn chi tiết tiêu biểu)  - Thủ pháp đối lập: không gian núi rừng – không gian nhà thống lý Pá Tra  - Xây dựng hoàn cảnh điển hình – tính cách điển hình – chi tiết tiêu biểu:  + tiếng sáo + men rượu (âm thanh, hương vị)  + bếp lửa + giọt nước mắt (hơi ấm, hình ảnh)  - Nghệ thuật khắc họa nhân vật: | => tái hiện quá trình đi đến những sự lựa chọn thay đổi số phận.  => ko gian tự do, khoáng đạt – ko gian nô lê, u mê, kìm hãm.  => chất thơ, phông nền văn hoá  => phát triển cao trào, thúc đẩy nhân vật đưa đến những sự lựa chọn.  => chi tiết thúc đẩy sức sống nội tại, sự đấu tranh bên trong nhân vật  => sự phát triển tự nhiên của tác động bên ngoài – chuyển hoá bên trong  => đa dạng, gắn liền với nhiều giác quan, kí ức của Mị.  - Mị là nhân vật tâm lý.  + Bề ngoài lặng lẽ, âm thầm, nhẫn nhục nhưng bên trong luôn sôi nổi, ham sống, khao khát tự do và hạnh phúc.  - A Phủ là nhân vật hành động.  + Được nhìn từ bên ngoài, tính cách được bộc lộ ở hành động, vẻ đẹp hiện lên qua sự gan góc, táo bạo, mạnh mẽ. | Các yếu tố nghệ thuật tác động sâu sắc đến thông điệp của văn bản, quán chiếu đến kết quả của SỰ LỰA CHỌN của nhân vật khi đứng trước nghịch cảnh.  Vẻ đẹp của những người con núi rừng: hồn hậu, chất phác, dũng cảm, phóng khoáng.  =>A Phủ và Mị là nạn nhân của bọn phong kiến chúa đất nhưng tiềm tàng sức phản kháng, sức sống mãnh liệt của tâm hồn yêu TỰ DO. |

**2. PHIẾU HỌC TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VỢ NHẶT**

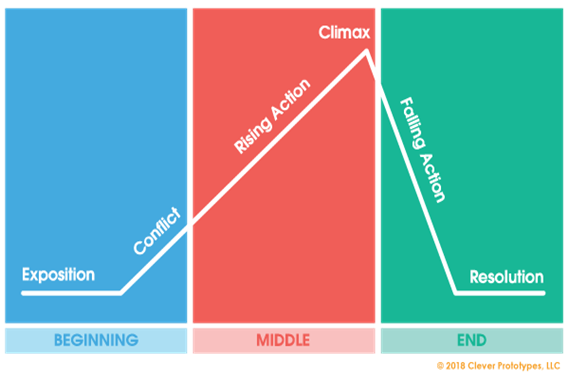
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG NHÂN VẬT** | **CÁC GIAI ĐOẠN** | **CHI TIẾT TIÊU BIỂU** | **LỜI BÌNH** | **THÔNG ĐIỆP**  **(SỰ LỰA CHỌN)** |
| **NHÂN VẬT TRÀNG** | **Trước khi “nhặt” vợ** | - “Gương mặt mỏi mệt, vẻ mặt đăm chiêu, lo lắng” -Làm nghề kéo xe bò  - dân ngụ cư  -Gia cảnh nghèo- mẹ góa con côi  - Ngoại hình: thô kệch xấu xí | => Đối mặt với nghịch cảnh của cái đói, cái chết diễn ra khốc liệt ở xóm Ngụ Cư  => Công việc phục vụ cho cuộc sống cầm hơi trong nạn đói  => lấy vợ đối với Tràng là một điều xa xỉ | Lựa chọn: Chờ chết >< Lao động mưu sinh  =>Bản năng sinh tồn của con người trong ngịch cảnh |
| **Khi quyết định “nhặt” vợ** | *“thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bòng.”* - Nhưng rồi, sau một cái “tặc lưỡi”: Chậc kệ! | => liều lĩnh – cương quyết  - Lúc đầu Tràng cũng có chút phân vân, lo lắng, do dự  - Tràng quyết định đánh đổi tất cả để có được vợ, có được hạnh phúc.  -Bên ngoài là sự liều lĩnh, nông nổi nhưng ẩn sâu bên trong là khao khát hạnh phúc lứa đôi. Quyết định có vẻ giản đơn nhưng chứa đựng tình thương đối với người gặp cảnh khốn cùng. | Lựa chọn: nhặt vợ ><không nhặt vợ  => khát khao hạnh phúc=> bản năng của con người |
| **Khi đưa Thị về xóm ngụ cư** | Trên đường về: + Tràng không như mọi ngày mà *"phởn phơ"* khác thường, *"cái mặt cứ vênh vênh tự đắc với mình".* + Trong lòng lâng lâng khó tả: *“hắn tủm tỉm cười một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh”* + Cũng có lúc *“lúng ta lúng túng, tay nọ xoa xoa vào vai bên kia người đàn bà”* +  “*Trong một lúc, Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hàng ngày, quên cả cái đói khát ghe gớm đang đe doạ, quên cả những tháng ngày trước mặt. Trong lòng hắn bây giờ chỉ còn tình nghĩa với người đàn bà đi bên”.* | -Tràng quên đi cái đói đang bủa vây=> tâm trạng vui sướng, hạnh phúc.  - Sự xuất hiện của người vợ như mang đến một luồng sinh khí mới khiến Tràng thay đổi  -Từ anh Tràng hồn nhiên, ngờ nghệch của ngày thường nay trở nên chững chạc hơn, nghiêm túc trước sự đùa vui của lũ trẻ.  => Tình thương chuyển hóa thành tình nghĩa  => Lan tỏa cả niềm vui cho những người dân ở xóm ngụ cư | Lựa chọn:Buồn bã, vô tâm>< Phấn chấn, tự tin  =>lựa chọn phù hợp với logic tâm lý của con người, nhất là đối với Tràng, tình huống nhặt vợ diễn ra bất ngờ nằm ngoài sự tưởng tượng của anh. |
| **Khi giới thiệu vợ nhặt với mẹ** | -Thấy mẹ về đầu ngõ, Tràng “*nhảy lên như một đứa trẻ”*  - Quan sát Thị: *“Quái, sao hôm nay nó buồn thế nhỉ?”*  - Tiếp lời của Thị: “*Nhà tôi nó chào U đấy U ạ”*  - *“Nhà tôi về làm bạn với tôi đấy u ạ. Chúng tôi đã phải duyên, duyên phải kiếp với nhau*”  - ‘*Thở phào nhẹ nhỏm’* | -Tâm trạng hồi hộp, náo nức mong chờ sự xuất hiện của bà cụ Tứ vì Tràng ý thức được vai trò của bà cụ có ý nghĩa quyết định đến hạnh phúc của mình  -Quan tâm đến cảm xúc và tâm trạng của Thị=> Tràng tinh tế khác ngày thường  - Nóng lòng, chờ đợi sự đồng ý của bà cụ=> Thông báo để mẹ biết về mối quan hệ của mình và người đàn bà  - Ngôn ngữ khéo léo, bộc lộ quan hệ thân mật, ràng buộc bằng định mệnh, duyên số | Lựa chọn:Xem thường Thị >< Trân trọng người vợ Nhặt  => Thấu cảm+ yêu thương  =>Trân trọng hạnh phúc |
| **Buổi sáng hôm sau** | Tâm trạng:  *“Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra” “Một cái gì mới mẻ, lạ lắm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo* + Tràng thay đổi hẳn: *“Bỗng nhiên hắn thấy thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng”, “Bây giờ hắn mới nên người, hắn thấy có bổn phận lo lắng cho vợ con sau này”* - Tràng biết hướng tới một cuộc sống tương lai tốt đẹp hơn: *“Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới”***.** | Tràng cảm nhận sâu sắc về hạnh phúc  + cảm nhận được sự thay đổi của khung cảnh xung quanh, cảnh vật đang vận động theo cảm xúc vui sướng, hạnh phúc của con người= ko gian mái nhà, mảnh vườn + thời gian buổi sáng nắng vàng rực rỡ  + Gắn bó với gia đình, ý thức trách nhiệm về bản thân, khát vọng vun xới hạnh phúc= tâm lý của người đàn ông tân hôn  + niềm tin, tình thương, sự chia sẻ đã giúp Tràng tìm ra được ánh sáng trong khoảnh khắc tăm tối nhất của cái đói +– lạ. hình ảnh 2 người phụ nữ hiện lên ở những công việc rất đỗi đời thường, quen  => tìm ra được con đường đấu tranh để vượt lên nghịch cảnh  => Những con người đói khát gần kề cái chết vẫn khao khát hạnh phúc gia đình, vẫn cưu mang đùm bọc lẫn nhau và luôn có niềm tin vào tương lai | Lựa chọn: Buông xuôi chờ chết – hành động để tổ chức và sắp xếp cs (từ những điều nhỏ nhất)  => luống sinh khí mang sự sống, tình yêu thương  => chất keo gắn kết 3 con người.  => gia đình  => NGÔI NHÀ = TỔ ẤM  .  Lựa chọn: dự định theo – ko theo Việt Minh (chi tiết mang tính dự báo) |
| **NHÂN VẬT THỊ** | **Trước khi trở thành vợ**  **nhặt** | -Lai lịch:  Thị không tên, không tuổi, không quê quán, không tài sản, không cha mẹ, không gia đình, không nghề nghiệp,… Thị hằng ngày kiếm cái ăn bằng cách ngồi ở kho thóc để “nhặt hạt rơi hạt vãi, hay ai có công việc gì gọi đến thì làm”. | => Thị như người trôi dạt giữa cơn lũ của nạn đói => Người đi tha phương cầu thực.  =>Người phụ nữ nghèo, cùng đường, liều lĩnh => Vì đói mà sẵn sàng bất chấp cả thể diện để có được miếng ăn để sống qua ngày. | Lựa chọn: chết >< sống  =>Bản năng sinh tồn của con người trong nghịch cảnh => Đó là ý thức bám lấy sự sống. |
| **Khi gặp Tràng lần 1** | -Hành động: Thị “cong cớn”, “vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe”, Thị “liếc mắt, cười tít”.  -Ngôn ngữ: “nhà tôi ơi”, “đằng ấy nhỉ”. | => Chủ động làm quen, thân mật, tình tứ.  => Thị cố “vin” vào câu hò của Tràng để kiếm cái ăn. | Lựa chọn: Đẩy xe bò >< không đẩy, ăn >< không ăn. |
| **Khi gặp Tràng lần 2** | -Dáng vẻ: “thị rách quá, áo quần tả tơi như tổ đỉa, thị gầy sọp hẳn đi, trên cái gương mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt”.  -Lời nói: “chao chát”, “chỏng lỏn”, “chua ngoa, đanh đá”.Thị “cong cớn”, “sưng sỉa”, mắng nhiếc, vu vạ, sỉ nhục khi giao tiếp, nói chuyện với Tràng.  -Hành động: “sầm sập chạy đến” để mắng Tràng nói điêu và khi được Tràng mời ăn, thị sẵn sàng “ngồi sà xuống, ăn thật, Thị cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì”. | => Cái đói đã làm cho Thị bị biến dạng về ngoại hình => Đã tàn hại nhan sắc của Thị.  =>Cái đói không chỉ tàn hại nhan sắc của Thị mà còn tàn hại cả tính cách, nhân phẩm, điều đó được thể hiện từ lời nói đến hành động.  => Cái đói khiến Thị quên cả việc giữ ý tứ, lòng tự trọng của người con gái.  =>Thị đã đặt sự tồn tại của mình, đặt miếng ăn lên trên nhân cách.  => Sẵn sàng theo Tràng về làm vợ: Trong cơn lũ của nạn đói, Thị là người đang chết đuối, vớ được cái cọc là Tràng, Thị đã bấu víu lấy, bám lấy để duy trì sự sống. Thân phận người vợ thật rẻ rúng bởi chỉ bằng bốn bát bánh đúc, một câu nói đùa, hai hào dầu,… để làm vợ người ta => Chính cái đói đã đẩy Thị đi đến sự liều lĩnh để giành được sự sống – theo không Tràng về nhà => Khát vọng, ý chí sống mãnh liệt đáng trân trọng của Thị. | Lựa chọn: 4 bát bánh đúc >< nhân phẩm. |
| **Khi theo Tràng về xóm ngụ cư** | -Trên đường về nhà chồng: trước cái nhìn “săm soi”, trước những lời bông đùa, chòng ghẹo của người dân xóm ngụ cư. Thị “ngượng nghịu, thiếu tự tin chân nọ bước díu cả vào chân kia”, “đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt”,  - Về đến nhà chồng, trông thấy “cái nhà vắng teo đứng rúm ró rên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại”, Thị “nén một tiếng thở dài”. | => Thị đã ý thức được về bản thân của mình – là một người phụ nữ theo không một người đàn ông về làm vợ.  =>Đây là tiếng thở dài ngao ngán, thất vọng nhưng cũng là một sự chấp nhận. Ai ngờ cái phao mà Thị vừa bám vào lại là một chiếc phao rách. Trong cái tiếng thở dài đó còn có sự lo lắng cho tương lai ngày mai, vừa có cả những lo toan và trách nhiệm của Thị về gia đình nhà chồng đó phải chăng là Thị đã ý thức được phận trách của mình đối với việc cùng chồng chung tay gây dựng gia đình. | Lựa chọn: Từ chối >< chấp nhận. |
| **Khi ra mắt bà cụ Tứ** | - Vào trong nhà, Thị e thẹn, dè dặt “ngồi mớm xuống mép giường”  -Trước mặt bà cụ Tứ, Thị rất là ý tứ, cung kính, lễ phép chào bà cụ Tứ (chào đến hai lần) song khi gặp mặt bà cụ Tứ thì Thị còn “khép nép đứng nguyên chỗ cũ”. | => “Ngồi mớm” – thế ngồi bấp bênh, không ổn định nhưng cũng rất có ý tứ.  =>Đây là hình ảnh đẹp của người con dâu rất mực thướt trong quan hệ với mẹ chồng.  => Khát vọng sống đã giúp Thị vượt qua cái chết. Tình yêu thương, sự bao dung đã đưa Mị trở về với chính mình: tinh tế, hiền hậu, khát khao hạnh phúc. | Lựa chọn: Trơ trẽn >< tế nhị. |
| **Buổi sáng hôm sau** | -Sáng hôm sau: Thị dậy rất sớm cùng mẹ chồng quét tước “nhà cửa, sân vườn”, “thu dọn sạch sẽ gọn gàng”, giặt quần áo, châm, xách nước đổ đầy vào “ang”, đi đổ rác.  - Trong bữa cơm đầu đón nàng dâu: Dù bữa ăn chỉ có “niêu cháo lõng bõng, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn”, lại phải ăn cháo cám nhưng thị thản nhiên, bằng lòng đón nhận.  -Và cũng trong bữa ăn ấy, gia đình Tràng đã nghe được tiếng trống “thúc thuế”, Thị ngạc nhiên hỏi “Ở đây vẫn phải đóng thuế cơ à”, “Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật, chia cho người đói nữa đấy”> | => Đến đây, người đọc dễ nhận thấy: bao nhiêu vẻ “chỏng lỏn”, “sưng sỉa” của Thị trước kia không còn nữa. Thay vào dó, chúng ta đã được cảm nhận vẻ đẹp rất nữ tính của Thị. Hơn ai hết, Tràng cảm nhận đủ đầy sự thay đổi tuyệt vời ấy “Tràng nom Thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh” => Câu văn này đã ghi lại cảm xúc chân thật của Tràng trước sự thay đổi tích cực của vợ. Phải chăng tình yêu đích thực với sức nhiệm màu diệu kì đã có sức cảm hóa với Thị.  => Đó là cái đón nhận của người có nhân cách, có trách nhiệm, của một người thèm khát một mái ấm gia đình. Sẵn sàng đón nhận bao khổ ải phía trước cùng với gia đình chồng.  =>Thị đã mang, cung cấp một thông tin rất quan trọng đến cho Tràng: chính là Việt Minh hướng dẫn nhân dân phá kho thóc của Nhật để chia cho nhau => Khơi dậy, giác ngộ niềm tin tưởng vào thắng lợi của Đảng => Tìm ra con đường giải thoát khỏi cái chết, nghèo đói để đo đến một cuộc sống ấm no, hạnh phúc chính là theo con đường cách mạng. | Lựa chọn: Có trách nhiệm >< không có trách nhiệm.  Lựa chọn: tuyệt vọng >< tin yêu. |
| **NHÂN VẬT BÀ CỤ TỨ** | **Gia cảnh** | -Bà là người phụ nữ đã mất chồng, chịu cảnh “mẹ góa, con côi”.  - Nhân vật này xuất hiện ở giữa câu chuyện, hiện lên thông qua:  +Dáng vẻ “lọng khọng”  “Tiếng người húng hắng ho”  “Vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì trong miệng”. | =>Gia cảnh nghèo khó, cực nhọc, đầy lo toan, trắc trở.  =>Đó là dáng hình của một người đã lớn tuổi, cái lưng còng như đã hứng chịu cả một đời gió sương, hơn nữa, lọng khọng còn vẽ lên cái hình dáng gầy guộc.  => Cho thấy sự ốm yếu, cái đặc trưng của người già.  => Có lẽ cả đời bà, vì không còn chồng, nên chẳng có phút thảnh thơi, phải lo chắt chiu, tích góp, phải lo từng đồng, từng bữa, và tội nghiệp thay, đến cả lúc già cả, gần đất xa trời, cái toan tính vẫn chẳng thể bỏ được, cái khốn khổ, trách nhiệm đã đeo đẳng cả cuộc đời bà. | Lựa chọn: Buông xuôi >< không buông xui. |
| **Khi Tràng ra mắt người vợ Nhặt** | -Khi bà được Tràng chạy ra đón vô nhà với thái độ rất “lật đật” và “đon đả” thì linh cảm của một người mẹ và một người từng trải nên bà đã dự tính được có chuyện chẳng lành “bà lão phấp phỏng bước theo con vào trong nhà”.  - Khi bà đi đến giữa sân “bà đứng sững lại” khi bắt gặp, trông thấy Thị ở trong nhà mình, bà ngạc nhiên vô cùng “quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại … tỏ ý không hiểu”.  -Sau khi nghe con trai thưa chuyện, đó là sự thấu cảm bao cơ sự:  +Khi nghe Tràng giới thiệu về người vợ nhặt “bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồI. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu biết bao nhiêu cơ sự”.  - Và rồi, người mẹ già chìm trong những xúc cảm ngổn ngang:  “Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này”, “người ta gặp bước khó khăn, đói khổ này người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được”, “chẳng may ra ông giời bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo hết được”.  -Bà cụ tủi xót cho mình, cho con. Bà tủi bởi gánh nặng, bổn phận của một người mẹ mà không lo được cho con. Ai làm mẹ, chắc thấu nỗi đau xót ấy! Nỗi đau ấy nó xuất phát từ sự hy sinh. Và rồi, lời nói của người mẹ nghèo thật xúc động “Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá!”  + Nhưng cuối cùng, đó là sự ngập tràn trong tình yêu thương, cuối cùng, chuyện hỉ sự cũng là một chuyện đáng vui, nên vui: Câu nói nhẹ nhàng sau bao nỗi niềm được nén lại của bà mẹ “Ừ, thôi thì các con phải duyên, phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng”, đã xua tan đi nỗi phấp phỏng lo âu cho Tràng, xóa đi nỗi bẽ bàng, lo sợ cho người con dâu. | => Bà cụ Tứ đã linh cảm được sẽ có một sự kiện trọng đại đến với bản thân và gia đình mình.  =>Trong sự quan sát rất tinh nhạy, bà đã phát hiện ra sự lạ thường đang diễn ra trong ngôi nhà của mình. Đầu tiên, qua đôi mắt mình bà đã thấy thái độ của anh Tràng, hôm nay quá “đon đả”, tiếp theo nữa là có nhân vật “người đàn bà” nào đó có mặt ở đầu giường thằng con mình, đôi mắt lòe nhòe của bà cũng kịp nhận ra đó không phải là cái Đục. Và qua tiếng chào “U” của người đàn bà đó, người mẹ già bắt đầu hiểu ra, Tuy trong đầu bà còn ngổn ngang những câu hỏi nhưng bà vẫn chưa vội cất lời  => Người mẹ đó đã đối diện với tình huống lạ lùng bằng sự tinh nhạy, bằng dự cảm của một người từng trải, thấu hiểu cách ứng nhân xử thế.  =>Từ sự phấp phỏng, ngạc nhiên ban đầu, bà đã hiểu được gần như đầy đủ.  => Bà đã giải được những éo le, lạ lùng trong ngôi nhà mình lúc bấy giờ. Là những chuyện khó nói, mà Tràng không nêu rõ, có thể là điều người phụ nữ kia sẽ thấy xấu hổ khi được hỏi hay nói ra thẳng thắn. Bà hiểu ra và bà không nỡ hỏi.  => Đó là trí tuệ của một người đã từng trải và đó còn là trái tim của một người mẹ vị tha, nhân hậu.  =>Bà mừng cho con trai, bởi người mẹ nào chẳng vui khi con mình từ đây đã có mái ấm riêng, gia đình được thêm một thành viên mới, niềm vui của người mẹ đó còn lớn lao hơn những người mẹ khác bởi hơn ai hết, bà hiểu được gia cảnh và con trai của mình.  => Trong nội tâm của bà cụ Tứ, bao ngổn ngang, bối rối. Mà trong những nỗi niềm đó, có một chữ lo. Đó là cái lo không biết chúng nó có nuôi được nhau qua cảnh khốn khó này không. Cái đói dường như phủi đầy trong cuộc sống, xâm lấn vào tron tận mọi tế bào. Vì thế, chuyện hỉ sự, vậy mà người ta còn nhức nhối vì lo, vì sợ.  =>Câu nói ấy đã cho thấy trái tim của người mẹ đã mở lòng với người con dâu. Từ “chúng mày” giản dị mà chan chứa tình cảm, tình thương cho con, cho dâu.  =>Từ đầu chí cuối, trong lời nói hay suy nghĩ của bà cụ Tự không hề mảy may ý nghĩ coi thường, rẻ rúng người con dâu, thậm chí bà còn mang thái độ hàm ơn ấy đã chấp nhận lấy con mình. | Lựa chọn:chấp nhận >< không chấp nhận, vô cảm ><chia sẻ - thấu hiểu. |
| **Trong bữa sáng hôm sau** | -Hình ảnh: Bà dậy rất sớm cùng con dâu quét tước “nhà cửa, sân vườn”, “thu dọn sạch sẽ gọn gàng”, giặt quần áo, châm, xách nước đổ đầy vào “ang”, đi đổ rác như để đón chào một cuộc sống mới tươi vui ơn “làm ăn có cơ khấm khá hơn” đang mở ra ở phía trước.  - Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Nhà văn miêu tả: “Giữa cái mẹt rách có độc một lùm rau chuối thái rồi, và một đĩa muối ăn với cháo” nhưng tất cả đều ăn rất ngon, vui vẻ.  - Nhưng “tiệc cưới”kéo dài không lâu, mỗi người chỉ được hai lưng cháo “lõng bõng”. Màn cuối của bữa cơm hoàn toàn phũ phàng khiến cho mọi người nhớ đến thực tại khắc nghiệt. Cô dâu đón lấy bát ăn và “đưa lên mắt nhìn” rồi “hai con mắt Thị tối lại”. Vì cảm nhận tận cùng cái cơ cực của cuộc sống mới. Nhưng Thị đã “điềm nhiên và vào miệng”. | => Dáng vẻ, tâm thế của bà nhẹ nhõm, tươi vui khác hẳn ngày thường.  =>Bà cụ Tứ vẫn tươi cười, chuyện trò rôm rả, thân mật với hai con. Bà là người chủ động gợi lên không khí, gợi lên niềm vui, và sự sáng sủa vào tương lai. Bà cụ Tứ đã nêu lên minh chứng, bám vào nó như gieo vào lòng hai con sự sống, niềm hi vọng: “Tràng ạ. Khi nào có tiền ta nuôi lấy đôi gà … đàn gà cho mà xem”.  =>Hình ảnh ấy có thể nói là sự khổ đau của cả một dân tộc vào năm đói. Nhưng cái nỗi khao ấy cũng đã bị xóa sạch đi bởi bà cụ Tứ luôn tươi tỉnh, trù tính câu chuyện làm ăn, gắng hết sức để thắp lên cho hai con người một ngọn lửa của niềm tin, lạc quan yêu đời. | Lựa chọn: tuyệt vọng >< tin yêu, ngồi yên thụ động >< vun xới. |
| **BỐI CẢNH** | **Không gian** | -DỊCH CHUYỂN CỦA KO GIAN: THU HẸP LẠI  + Không gian toàn cảnh về nạn đói (nền tăm tối) được phác hoạ thông qua các yếu tố:  + cánh đồng  + dãy nhà tối om  + chợ  + không khí  + âm thanh  + mùi vị (mùi đốt đống rấm)  + hình ảnh con người  + Không gian hàng nước – Tràng “nhặt vợ”.  + không gian xóm ngụ cư  + gương mặt Tràng  + hành vi của Tràng + người vợ nhặt  + tiếng trêu đùa của trẻ con  + niềm vui của những người dân xóm ngụ cư  + Không gian gia đình của Tràng  (căn nhà, chiếc giường, phòng tân hôn, căn nhà + vườn tược, bữa cơm ngày đói – mâm cơm)  + nỗi lo âu, xót xa, buồn tủi  CHẾT CHÓC – SỰ SỐNG  LẠNH LẼO - ẤM ÁP  ĐEN TỐI – HY VỌNG  BÓNG MA – ĐOÀN NGƯỜI | => tính chất dự báo, đe doạ, tâm lý tiêu cực, bi quan  => KHÔNG GIAN CỦA SỰ CHẾT CHÓC.  => “cái chết” trong ý thức nhân phẩm của một người phụ nữ bị cái đói dồn đến bước đường cùng.  => “sự sống” của tình thương  => KHÔNG GIAN SỰ THỬ THÁCH (thái độ, hành vi => miếng ăn – nhân cách).  **=>** KHÔNG GIAN LAN TOẢ NIỀM VUI VÀ HƠI ẤM  => KHÔNG GIAN SỰ SẺ CHIA (NIỀM VUI, LO TOAN)  => KHÔNG GIAN CỦA ĐÓN NHẬN, YÊU THƯƠNG, GẮN KẾT, KHAO KHÁT, HY VỌNG  => chất keo gắn kết, hoà hợp các mối quan hệ  => 1 con đường/1 lối thoát/1 tia hy vọng đã được mở ra  =>KHÔNG GIAN TÌNH NGƯỜI + NIỀM TIN YÊU SỰ SỐNG. | Không gian như thứ thuốc thử:  Sự lựa chọn giữa miếng ăn – nhân phẩm của người vợ nhặt => đau xót => hình ảnh người đàn bà trơ trẽn, mất nhân cách chỉ vì miếng ăn.  Sự lựa chọn của việc thấu hiểu + sẻ chia – ko thấu hiểu sẻ chia, ở Tràng. |
| **Thời gian** | - VẬN ĐỘNG CỦA THỜI GIAN: BÓNG TỐI – ÁNH SÁNG  + Thời khắc mở đầu:  + Thời gian được cài đặt theo tiến trình đặc biệt: hiện tại – quá khứ gần – hiện tại - dự báo tương lai  + lựa chọn một thời gian mở trong phần kết truyện => dự báo một tương lai sắp sửa xảy ra | Gợi khoảng thời gian chết => tàn lụi của một ngày => nền đen tối, sự vắng lặng, lạnh lẽ trong cảnh vật.  => tiến trình thời gian tương ứng với tiến trình phát triển của tâm lý nhân vật: đan xen giữa lo âu, sợ hãi -> khao khát, yêu thương, hy vọng; đấu tranh của nhân phẩm – miếng ăn -> quá trình trở lại bản tính lương thiện, tốt lành vốn có của con người.  => vận động của thời gian đi từ bóng tối – ánh sáng, vận động tâm lý đi từ tiêu cực – tích cực  => đem đến cảm nhận: cuộc đời các nhân vật sẽ không kết thúc trong bóng đêm của cái đói, cái chết => một con đường, một lối thoát, 1 ánh sáng khác sẽ mở ra => THỜI GIAN CỦA SỰ VẬN ĐỘNG, DIỄN TIẾN, NIỀM TIN  =>BÓNG TỐI – ÁNH SÁNG  HIỆN TẠI - TƯƠNG LAI  CHẾT CHÓC (CHẾT CHÓC) – SỰ SỐNG (BÌNH MINH) | => tạo nên CƠ SỞ CỦA NIỀM TIN => CỦNG CỐ CHO SỰ LỰA CHỌN CỦA NHÂN VẬT  =>QUYỀN CHỌN NIỀM TIN TRONG NGHỊCH CẢNH => đi từ quá trình nhận thức + cảm xúc => hành động. |
| **CỐT TRUYỆN** | **Tình huống truyện** | Tình huống truyện: lát cắt để thấy được:  Phép toán:  -Người đàn bà/vợ = 4 bát bánh đúc  -Cuộc hôn nhân = 4 bát bánh bánh đúc  -Đám cưới = thúng con đựng đồ + 2 hào dầu thắp tối  -Đám rước dâu = con đường khẳng khiu => gầy mòn  -Tân hôn = ám ảnh bởi tiếng khóc hờ của những gđ có người chết  => phép toán nghịch lý  => ko tồn tại trong 1 bối cảnh bình thường.  -4 bát bánh đúc = tương lai, hạnh phúc, nhân phẩm, giá trị, lòng tự trọng, quyền được làm một người vợ “hỏi cưới” của người đàn bà vợ nhặt.  + tình huống mở ra một cơ hội  + Tình huống tác động tích cực trong tâm lý, nhận thức của các nhân vật: | => sự cùng đường, sự bức bách của cái đói, cái chết (“khi đói, tâm trí con người ta thường sáng suốt” – “Một bữa no”)  =>sự rẻ rúng của thân phận con người trong nạn đói  => tình huống chứa đầy nghịch lý, đau đớn, xót xa => tô đậm cái thê thảm của số phận con người trong nạn đói.  -Tràng: cơ hội có vợ, có 1 gđ => sống với niềm khao khát thầm kín về 1 mái ấm gđ  -Bà cụ Tứ: hoàn thành tâm nguyện của một người mẹ ở cái tuổi gần đất xa trời.  -Người vợ nhặt: tìm được điểm tựa, chỗ dựa, tìm được nơi cho mình  -Người dân xóm ngụ cư: cơ hội được chứng kiến 1 chuyện vui, 1 hạnh phúc, 1 gia đình giữa lúc cuộc sống bị bao vây bởi bóng tối, chết chóc, bởi tuyệt vọng.  -Tràng:  cảm giác (êm ái, lửng lơ),  thái độ: yêu, gắn bó với cái nhà, trách nhiệm.  nhận thức: tiếc rẻ vẩn vơ vì ko tham gia vào đoàn người phá kho thóc Nhật.  Vợ nhặt: trở về với hình ảnh hiền hậu, đúng mực  Bà cụ Tứ: lấy lại nụ cười trên gương mặt, lấy lại niềm vui trong bữa cơm, lấy lại ko khí hoà thuận, ấm áp  + chung 1 hướng nhìn, chung 1 tư duy: lạc quan, hy vọng, tin vào tương lai. | Nghịch cảnh=> sự lựa chon  Cái đói, cái chết <CHỌN> gia đình= tổ ấm= hạnh phúc= điểm nhìn  Cái đói, cái chết >< sự sống- hạnh phúc |
| **Cốt truyện** | sắp xếp sự kiện theo dụng ý:  +Sự xuất hiện bất ngờ của nhân vật Thị.  +Hình ảnh người vợ nhặt  +Lý do cho sự xuất hiện  +Lí do nhặt vợ -  +việc nhặt vợ được chấp nhận, thừa nhận  +Tác động tâm lý, cảm xúc sau khi nhặt vợ. | Lựa chọn của nhân vật được đặt nghịch cảnh có tính chất bất ngờ và tình huống éo le, cảm động.  =>Các sự kiện được sắp xếp logic với diễn biến tâm lý của nhân vật  => Thái độ nhân vật trước nghịch cảnh diễn biến tự nhiên từ trong sâu thẳm của bản năng và trong sự ấm áp của tình người (bản ngã). | Lựa chọn của các nhân vật có sự chuyển hóa:  Bản năng- bản ngã- siêu ngã  Bản năng: khát vọng sống  Bản ngã: Tình người trong hoạn nạn (thấu hiểu và bao dung)  Siêu ngã: San sẻ sự sống |
| **NGHỆ THUẬT** | - Xây dựng nhân vật: trong những sự lựa chọn mang tính chất quyết định.  => chú trọng vào tái hiện tiến trình, diễn biến nội tâm nhân vật => “bật” ra sự lựa chọn  => xây dựng ngôn ngữ đối thoại của nhân vật  => xây dựng độc thoại nội tâm  - Bối cảnh: đối nghịch => không gian, thời gian  - Tình huống truyện độc đáo (nhan đề)  - Lựa chọn chi tiết đắt giá.  - Giọng kể: hóm hỉnh, tự nhiên, đời thương, tinh tế. | | | |

1. **PHIẾU HỌC TẬP: THẢO LUẬN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Vai trò 1: Từ khoá – ý tưởng** | **Vai trò 2: Câu hỏi – đọc hiểu** |
| **Vai trò 3: Liên hệ – bài học** | **Vai trò 4: Tranh vẽ – ấn tượng** |

1. PHIẾU HỌC TẬP: SƠ ĐỒ VENN (DÙNG ĐỂ SO SÁNH…)

1. **PHIẾU HỌC TẬP: SƠ ĐỒ QUẢ NÚI**

**S**

* **Exposition/giới thiệu bối cảnh**
* **Conflict/ Mâu thuẫn**
* **Rising action/ Cao trào: Chuỗi diễn biến tâm lí và hành động**
* **Climax/Cực điểm**
* **Falling action/Xung đột giảm dần**
* **Resolution/ Giải quyết**

1. **PHIẾU HỌC TẬP LÀM VĂN**

***Phân tích diễn biến tâm lí của nhân vật***

* **BƯỚC 1: CHUẨN BỊ**
* Đề bài yêu cầu tôi:
* Tôi hiểu nhân vật là:
* Tôi hiểu tâm lí là:
* Tôi hiểu diễn biến là:
* Vậy, điều tôi cần làm là:
* **BƯỚC 2: TÌM VÀ LẬP DÀN Ý**
* Mị đã trải qua những giai đoạn nào của cuộc đời?
* Ở mỗi giai đoạn như thế, tâm lý của nhân vật được thể hiện ra sao? Tôi cần chú ý sự phát triển tâm lý của nhân vật qua mỗi giai đoạn!

* Ngoài những ý chính về diễn biến tâm lí nhân vật, tôi cũng cần chú ý đến những ý phụ khi tiếp cận nhân vật như:
* Vậy tôi dự định trong bài, tôi sẽ có … luận điểm, đó là:
* Sau đây là dàn bài chi tiết của tôi:
* **MỞ BÀI**: Giữa mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp, tôi lựa chọn:
* Nếu là mở bài trực tiếp, tôi cần đảm bảo các nội dung:
* Nếu là mở bài gián tiếp, tôi phải:
* Quan trọng nhất là tôi phải trích được yêu cầu đề bài!
* **THÂN BÀI**: Tôi sẽ sắp xếp các luận điểm như sau:
* + Giới thiệu nhân vật: Xuất thân, hoàn cảnh, ngoại hình, tính cách,…
* + Các luận điểm chính về diễn biến tâm lý nhân vật:

|  |  |
| --- | --- |
| Luận điểm 1: | Luận điểm 2: |
| Luận điểm 3: | Luận điểm 4: |

* + Bình luận, đánh giá về cả quá trình diễn biến tâm lý nhân vật.
* + Liên hệ: Tôi có thể liên hệ nhân vật này với nhân vật trong tác phẩm khác để so sánh, hoặc có thể liên hệ với một hiện tượng trong xã hội để suy nghĩ, hoặc cũng có thể liên hệ với bản thân để rút ra bài học.
* + Tổng kết nội dung, nghệ thuật tác phẩm:
* Về nghệ thuật, tôi cần nắm vững những yếu tố của tác phẩm tự sự nói chung và truyện ngắn nói chung: Cốt truyện, không gian – thời gian, tình huống, ngôn ngữ. Sau đó, tôi sẽ xem xét và đánh giá những yếu tố nào liên quan đến quá trình diễn biến tâm lý của nhân vật.
* Về nội dung: Tôi sẽ chốt lại nội dung: quá trình diễn biến tâm lý nhân vật.
* **KẾT BÀI**: Tôi sẽ chốt lại ngắn gọn những nội dung của thân bài:
* Cuối cùng, tôi sẽ dùng 1-2 câu để kết thúc bài viết của mình.
* **BƯỚC 3: VIẾT BÀI**
* Từ dàn ý chi tiết trên, tôi sẽ tiến hành viết bài. Tôi đã xem những yêu cầu bên dưới và sẽ cố gắng đảm bảo viết đúng yêu cầu:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Yêu cầu chung** | Xác định đúng yêu cầu đề bài, không viết lạc đề (1đ) | | | |
| Đảm bảo đầy đủ 3 phần: Mở – thân – kết (1đ) | | | |
| **Yêu cầu cụ thể** | Viết tốt | Viết khá | Viết ổn | Cố gắng thêm! |
| Nội dung  (4đ) | Đảm bảo đầy đủ và giải quyết được các luận điểm cơ bản (có phân tích, đưa dẫn chứng và bình luận);  Nêu được các nội dung mới mẻ, ấn tượng | Đảm bảo đầy đủ và giải quyết được các luận điểm cơ bản (có phân tích, đưa dẫn chứng và bình luận) | Tương đối đảm bảo đầy đủ và giải quyết được các luận điểm cơ bản (có phân tích, đưa dẫn chứng và bình luận), có từ 1-2 luận điểm chưa đảm bảo | Không đảm bảo đầy đủ hoặc không giải quyết được các luận điểm cơ bản (có phân tích, đưa dẫn chứng và bình luận) (từ 3 luận điểm trở lên) |
| Diễn đạt  (2đ) | Đảm bảo sự liên kết hợp lý giữa các nội dung, luận điểm, các đoạn, các câu trong bài văn;  Diễn đạt sáng tạo, rõ ràng, gây ấn tượng | Đảm bảo sự liên kết hợp lý giữa các nội dung, luận điểm, các đoạn, các câu trong bài văn;  Diễn đạt rõ ràng, có từ 1-2 lỗi diễn đạt | Tương đối đảm bảo sự liên kết hợp lý giữa các nội dung, luận điểm, các đoạn, các câu trong bài văn;  Có từ 3-5 lỗi diễn đạt | Không đảm bảo sự liên kết hợp lý giữa các nội dung, luận điểm, các đoạn, các câu trong bài văn;  Có hơn 5 lỗi diễn đạt |
| Chính tả  (1đ) | Không sai lỗi chính tả | Sai từ 1-2 lỗi chính tả | Sai từ 3-5 lỗi chính tả | Sai trên 5 lỗi chính tả |
| Trình bày (1đ) | Sạch sẽ, chữ viết đẹp;  không gạch xóa | Sạch sẽ, chữ viết đẹp;  Có 1-2 vết gạch xóa | Chữ viết rõ ràng;  Có 3-5 vết gạch xóa | Chữ viết cần cải thiện;  Có trên 5 vết gạch xóa |

* Sau đây là bài viết của tôi:
* **BƯỚC 4: VIẾT LẠI BÀI**
* Những điều cần cải thiện ở bài viết của tôi dựa vào yêu cầu bên trên và lời góp ý của cô là:
* Và sau đây là bài viết của tôi khi sửa lại:

**7.PHIẾU HỌC TẬP: ĐỌC VÀ PHẢN HỒI**

****

**8.CHUỖI CÁC RUBRIC**

**RUBRIC 1– ĐÓNG PHIM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐÁNH GIÁ** | | | | | | | |
| **1**  **(50 ĐIỂM)** | **2**  **(40 ĐIỂM)** | **3**  **(30 ĐIỂM)** | **4**  **(10 ĐIỂM)** | **XUẤT HIỆN** | **KHÔNG XUẤT HIỆN** | **THỜI GIAN** | **ĐIỂM** |
| **Tựa phẩm** | -Hay, ấn tượng mạnh, đúng chủ đề. Mang ý nghĩa đặc biệt.  -Thu hút mạnh mẽ, khác biệt, có sự sáng tạo, đem đến sự tò mò cho khán giả. | - Độ ấn tưởng chưa đạt tới sự thu hút để khán giả tìm đến.  - Có sáng tạo, mang phong cách riêng biệt, tiềm ẩn. Có ý nghĩa chưa rõ ràng. | **-** Ấn tương không mạnh, chưa có sự sáng tạo riêng.  - Có ý nghĩa nhưng không đủ sâu sắc. | - Không gây ấn tượng, không có sự thu hút.  -Không có điểm nhấn cho khán giả. Quá đơn điệu, nhàm chán. |  |  |  |  |
| **Chủ đề** | - Ấn tượng mạnh mẽ cho người xem, ý nghĩa sâu sắc. Phù hợp với hiện thực. Nâng cao tính tích cực, bài học sâu sắc.  -Tạo cảm xúc mạnh. | - Tạo ấn tượng, phù hợp khán giả.  - Ý nghĩa bộ phim chưa đem lại đủ cảm xúc người xem. | **-** Gần gũi, chưa phù hợp người xem. Độ ấn tượng quá nhẹ nhàng.  - Kịch bản rời rạc.  - Không mang lại ý nghĩa. | - Quá lõng lẽo, không mang lại cảm xúc.  - Ấn tượng đem lại không thu hút. |  |  |  |  |
| **Phần nội dung** | - Phân tích rõ nội dung của tên phim.  -Tạo dấu ấn mạnh, nhập vai xuất sắc.  - Cô động, xúc tích. Mang ý nghĩa đặc biệt, thiết thực.  -Thu hút khán giả qua các “trailer, poster”. | - Thu hút qua “trailer,poster” nhưng phim dấu ấn không đủ sâu .  - Có mang ý nghĩa nhưng thông điệp mang tới chưa đủ sâu, tạo dựng chưa rõ sự hài hoà giữa nội dung phim và diễn viên. | **-** Chưa mang lại ấn tượng bộ phim, kết cấu tình tiết nội dung quá rời rạc.  - Ý nghĩa không liên kết với tựa phẩm và nội dung. | - Không có sự thu hút về tình tiết, nội dung.  - Còn quá nhạt nhẽo, đi xa hiện thực.  - Không bám sát tiêu phẩm và chủ đề. |  |  |  |  |
| **Bối cảnh** | **-** Phù hợp vào thoại, diễn viên, nội dung phim và vào từng khoảng khắc. | - Phù hợp nội dung phim, cách tạo dựng bối cảnh còn thiếu sót. | - Kết cấu rõ ràng những chưa phù hợp vào hoàn cảnh. | - Rối, không ăn kết vào nội dung phim, còn thiếu sót nhiều. |  |  |  |  |
| **Lời thoại** | **-** Hay, có cảm xúc, tạo ấn tượng gây “trend”, sâu sắc. Tạo được nét đặc biệt của từng diễn viên, phù hợp với vai diễn. | **-** Cảm xúc, không gây ấn tượng, có hay nhưng chưa đem lại nét đặt trưng riêng cho diễn viên. | **-** Không có sự liên kết, chưa tạo được nét đột phá cho vai diễn. | **-** Không bám vào chủ đề, không phù hợp với nhân vật, không mang có cảm xúc. |  |  |  |  |
| **Diễn xuất** | **- Diễn viên:** Tạo được nét đột phá mới trong vai diễn, xây dựng hình tượng riêng trong phim. Tương tác giữa vai diễn, bối cạnh, lời thoại. Đạt được tất cả cảm xúc vào giai thoại. Phối hợp ăn ý giữa các vai diễn. | **- Diễn viên:** Chưa có nét đột phá mới, biết cách xây dựng hình tượng nhưng chưa đủ ấn tượng mạnh vào phim. Có cảm xúc vào thoại, bối cảnh. Biết cách phối hợp với nhau | **- Diễn viên:** Diễn không có cảm xúc, chưa nhập tâm vào vai diễn. Phối hợp nhau chưa ăn ý. | **- Diễn viên:** Diễn nhạt, không có cảm xúc vào vai diễn, không có sự phối hợp ăn ý giữa các vai diễn. |  |  |  |  |
| **Phần hình thức** | - Hài hoà về màu sắc, hoàn cảnh vào chủ đề.  - Xây dựng hình tượng đẹp vào từng bối cảnh, khoảng khắc.  - Kết cấu rõ ràng, chia rõ đầy đủ từng bối cảnh từng diễn viên theo từng giai thoại. | - Có màu sắc, phù hợp khung cảnh.  - Biết cách xây dựng bối cảnh nhưng chưa có sự liên kết vào chủ đề.  -Kết cấu rõ ràng, chưa bám sát vào khoảng khắc của diễn viên và thoại. | - Lệch lạc với nội dung phim, màu sắc không đuọc hài hoà.  - Bối cảnh diễn viên giai thoại không có sự liên kết.  - Kết cấu hơi rối không bám sát vào hoàn cảnh phim. | - Không biết cách phối hợp màu sắc về mọi mặt.  - Diễn viên, thoại và bối cảnh không biết cách liên kết vào nhau.  - Không có sự liên kết và bám sát vào hoàn cảnh và nội dung phim. |  |  |  |  |
| **TỔNG ĐIỂM** | | | | |  |  |  |  |

**RUBRIC 2:**

**ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SÁNG TẠO - TRANH VẼ NGƯỜI/ CẢNH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐÁNH GIÁ** | | | | | | | | | | | | |
| **1 (30 điểm)** | | **2 (20 điểm)** | | **3 (10 điểm)** | **XUẤT HIỆN** | | **KHÔNG XUẤT HIỆN** | | **THỜI GIAN** | | **ĐIỂM** | |
| **Bố cục** | - Rõ ràng, cân đối, hài hòa, đẹp mắt.  - Sự sắp xếp hợp lý trong một bức tranh.  - Tạo hình theo quy luật sắp xếp các hoạ tiết, mảng màu, đường nét, hình khối hoặc những hình tượng biểu thị cảm xúc.  - Đạt tính thẩm mỹ. | | - Rõ ràng, hơi thiếu cân đối, chưa hài hòa và đẹp mắt.  - Biết cách sắp xếp nhưng chưa diễn tả được nội dung. | | - Lộn xộn, thiếu cân đối, không đẹp mắt. |  | |  | |  | |  | |
| **Màu sắc** | - Nghệ thuật phối màu: Màu chủ đạo, màu tương phản, trung tính,…  - Có sự chuyển đổi uyển chuyển giữa các gam màu.  - Có sự pha trộn hài hòa giữa màu nóng và lạnh.  - Có sự sáng tạo trong sử dụng các chất liệu màu khác nhau. | | - Việc chuyển đổi gam màu chưa được uyển chuyển, thiếu sự hài hòa giữa các màu nóng và lạnh.  - Có khả năng cân bằng màu sắc nhưng chưa tạo ấn tượng. | | - Phân phối màu tùy tiện, không hài hòa. |  | |  | |  | |  | |
| **Chủ đề - thông điệp** | - Mang thông điệp rõ ràng, có khẩu hiệu, tiêu đề, chuyển tải được ý nghĩa. | | - Thiếu khẩu hiệu, tiêu đề, và ý tưởng chưa hay. | | - Thiếu khẩu hiệu, tiêu đề. |  | |  | |  | |  | |
| **Sáng tạo** | | - Có ý tưởng hay hoặc lạ, đem lại ấn tượng mạnh, sâu sắc.  - Chất liệu phù hợp, mới mẻ. | | - Có ý tưởng khác lạ, táo bạo, tuy nhiên chưa gây được ấn tượng mạnh.  - Có sử dụng chất liệu mới nhưng chưa khai thác hết. | - Có cố gắng tạo sự khác lạ, mới mẽ, nhưng chưa có khả năng diễn tả ý tưởng trên tranh. | |  | |  | |  | |  |
| **TỔNG ĐIỂM:** | | | | | | |  | |  | |  | |  |

**RUBRIC 3**

**ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC NHÓM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐÁNH GIÁ** | | | | | | |
| **1 (20 ĐIỂM)** | **2 (10 ĐIỂM)** | **3 (0 ĐIỂM)** | **XUẤT HIỆN** | **KHÔNG XUẤT HIỆN** | **THỜI GIAN** | **ĐIỂM** |
| **Chuẩn bị ở nhà** | - HS chuẩn bị đầy đủ dụng cụ làm việc phục vụ tốt cho vẽ sơ đồ: giấy A0, bút, thước,…  - Có sự phân công trong công việc chuẩn bị dụng cụ học tập một cách đồng đều và chu đáo giữa các thành viên trong nhóm. | - HS chuẩn bị CHƯA ĐƯỢC đầy đủ dụng cụ làm việc phục vụ tốt cho vẽ sơ đồ: giấy A0, bút, thước,…  - Có sự phân công trong công việc chuẩn bị dụng cụ học tập CHƯA đồng đều và CHƯA chu đáo giữa các thành viên trong nhóm. | - HS không chuẩn bị dụng cụ học tập và không phân công chuẩn bị công việc một cách chu đáo hoặc nhóm vắng tất cả các thành viên. |  |  |  |  |
| **Thực hành trên lớp** | - Các thành viên trong nhóm tham gia đầy đủ.  - Các thành viên tích cực phối hợp làm việc, xây dựng và hoàn thiện sơ đồ. | - Các thành viên trong nhóm tham gia TƯƠNG ĐỐI đầy đủ.  - Các thành viên phối hợp làm việc, xây dựng hoàn thiện sơ đồ TƯƠNG ĐỐI TÍCH CỰC. | - Nhóm vắng hoàn toàn. |  |  |  |  |
| **TỔNG ĐIỂM:** | | | |  |  |  |  |

**RUBRIC 4 - SƠ ĐỒ TƯ DUY**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐÁNH GIÁ** | | | | | | | |
| **1**  **(50 ĐIỂM)** | **2**  **(40 ĐIỂM)** | **3**  **(30 ĐIỂM)** | **4**  **(10 ĐIỂM)** | **XUẤT HIỆN** | **KHÔNG XUẤT HIỆN** | **THỜI GIAN** | **ĐIỂM** |
| **Phần nội dung** | - HS nêu được cụ thể, chi tiết và có đánh giá chung về tính cách, tâm trạng , sự lựa chọn của các nhân vật Tràng/Mị/  thị/ cụ Tứ / bản thân trong nghịch cảnh(5-6 ý trở lên).  -Sơ đồ tư duy của nhóm thể hiện rõ ý lớn, ý nhỏ.  - Sơ đồ dùng từ khóa, hình ảnh, bảng phiếu, cắt dán hoặc tô vẽ phù hợp với nội dung.  - Bố cục cân đối, hài hòa, màu sắc trang nhã (nếu có vẽ màu).  - Sơ đồ có tính sáng tạo. | - HS nêu được một số chi tiết và có thể có đánh giá chung (3-4 ý)  - Sơ đồ tư duy của nhóm CƠ BẢN thể hiện được rõ ý lớn, ý nhỏ.  - Sơ đồ dùng từ khóa, hình ảnh, bảng phiếu, cắt dán hoặc tô vẽ CƠ BẢN phù hợp với nội dung.  - Bố cục CƠ BẢN cân đối, hài hòa, màu sắc trang nhã (nếu có vẽ màu).  - Sơ đồ CHƯA có tính sáng tạo. | - HS nêu được một vài chi tiết và có thể có đánh giá chung  (1-2 ý)  - HS nêu được ít nhất 01 đặc điểm, tính cách, tâm trạng nhân vật, nêu dẫn chứng.  - Sơ đồ tư duy của nhóm một số chỗ CHƯA thể hiện được rõ ý lớn, ý nhỏ.  - Sơ đồ dùng từ khóa, hình ảnh, bảng phiếu, cắt dán hoặc tô vẽ một số chỗ CHƯA phù hợp với nội dung.  - Bố cục còn một số chỗ CHƯA cân đối, hài hòa, màu sắc trang nhã (nếu có vẽ màu).  - Sơ đồ CHƯA có tính sáng tạo. | - Nhóm không nêu được nét nào hoặc sai hoàn toàn.  Sơ đồ tư duy của nhóm trình bày SAI HOÀN TOÀN. |  |  |  |  |
| **Phần hình thức** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG ĐIỂM** | | | | |  |  |  |  |

**RUBRIC 5 - THIẾT KẾ THỜI TRANG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐÁNH GIÁ** | | | | | | |
| **1**  **(40 điểm)** | **2**  **(30 điểm)** | **3**  **(10 điểm)** | **XUẤT HIỆN** | **KHÔNG XUẤT HIỆN** | **THỜI GIAN** | **ĐIỂM** |
| **Chủ đề** | - Thể hiện rõ chủ đề, truyền tải được chủ đề , có câu chuyện. | - Thể hiện rõ chủ đề nhưng chưa truyền tải được thông điệp. | - Hiểu biết chủ đề nhưng lột tả chưa đúng. |  |  |  |  |
| **Thiết kế** | - Độc đáo, ấn tượng và có ý nghĩa.  - Có sự sáng tạo, phá cách, tính đổi mới. | - Có sự sáng tạo nhưng chưa có ấn tượng, dấu ấn riêng. | - Thiếu sự sáng tạo, tính mới mẻ trong ý tưởng thiết kế. |
| **Màu sắc** | - Khả năng sử dụng chất liệu,vật liệu, màu sắc sáng tạo, có chủ ý.  - Có tính thẩm mỹ. | - Khả năng sử dụng chất liệu  cân bằng màu sắc ở mức khá.  - Có tính thẩm mỹ nhưng chưa đủ ấn tượng. | - Màu sắc còn sử dụng lộn xộn, chưa được sắp xếp bố cục rõ ràng. |
| **Trình diễn** | - Phong cách biểu diễn tự tin, biểu cảm tốt.  - Có sự phối hợp, tương tác giữa các thành viên biểu diễn.  - Đảm bảo được thời lượng. | - Phong cách biểu diễn tự tin  nhưng biểu cảm chưa phù hợp với chủ đề.  - Các thành viên chưa có sự tương tác, liên kết câu chuyện với nhau. | - Phong cách biểu diễn thiếu tự tin,thiếu sự chuẩn bị kỹ càng.  - Phần trình diễn bị ngắt quãng không liên kết. |  |  |  |  |
| **Sáng tạo** | - Trang phục sử dụng nhiều chất liệu, truyền tải được thông điệp, ý nghĩa chủ đề  - Phần trình diễn có câu chuyện | - Trang phục sử dụng phong phú chất liệu nhưng chưa có sự liên kết  - Phần trình diễn chưa ấn tượng | - Trang phục đơn giản chưa truyền tải được thông điệp  - Phần trình diễn không để lại ấn tướng, dấu ấn |
| **TỔNG ĐIỂM:** | | | |  |  |  |  |

**RUBRIC 6: ÂM NHẠC- HÁT- LỒNG TIẾNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐÁNH GIÁ** | | | | | | |
| **1 (40 điểm)** | **2 (20 điểm)** | **3 (10 điểm)** | **XUẤT HIỆN** | **KHÔNG XUẤT HIỆN** | **THỜI GIAN** | **ĐIỂM** |
| **Chủ đề** | - Bài hát phù hợp chủ đề  - Hát đúng, hát đủ bài  - Phát âm cho rõ chữ, tròn chữ và tách chữ (Tiếng Việt hay bất kì tiếng nước nào).  - Hát đúng nhịp, đúng cao độ. | - Bài hát phù hợp chủ đề  - Hát đúng, hát đủ bài.  - Phát âm chưa rõ chữ.  - Hát chưa đúng nhịp, đúng cao độ. | - Bài hát không đúng chủ đề  - Quên bài.  - Hát không rõ chữ, dính chữ.  - Hát sai nhịp, sai cao độ. |  |  |  |  |
| **Giọng hát** | - Màu giọng đẹp, lạ, ấn tượng, đặc trưng.  - Hát có hồn, biết ngắt câu, nhấn nhá, truyền thông điệp, ý nghĩa của bài hát. | - Màu giọng đẹp.  - Biết cách nhấn nhá nhưng chưa truyền tải được cảm xúc. | - Màu giọng không đặc biệt.  - Hát không có cảm xúc. |  |  |  |  |
| **Phong cách thể hiện** | - Tự tin, truyền tải được năng lượng. | - Có tự tin nhưng chưa đủ tỏa sáng. | - Thiếu tự tin, còn rụt rè, lo sợ khi biểu diễn. |  |  |  |  |
| **Trang phục, nhạc cụ, đạo cụ** | - Sử dụng nhạc cụ phong phú, phù hợp với chủ đề  - Trang phục phù hợp với nội dung bài hát, bắt mắt, sáng tạo.  - Đạo cụ phong phú, mới lạ. | - Có ý tưởng nhưng trang phục, sử dụng nhạc cụ, đạo cụ chưa phù hợp với chủ đề. | - Có đầu tư nhưng còn sơ sài, không liên quan đến chủ đề. |  |  |  |  |
| **Điểm ưu tiên** | - Có múa phụ họa.  - Dàn dựng công phu. | **-** Có múa phụ họa nhưng chưa đầu tư. | **-** Không có múa phụ họa. |  |  |  |  |
| **TỔNG ĐIỂM:** | | | |  |  |  |  |

**RUBRIC7: ĐÁNH GIÁ BÀI VĂN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐỘ** | | | |
| **Yêu cầu chung** | Xác định đúng yêu cầu đề bài, không viết lạc đề (1đ) | | | |
| Đảm bảo đầy đủ 3 phần: Mở – thân – kết (1đ) | | | |
| **Yêu cầu cụ thể** | Viết tốt | Viết khá | Viết ổn | Cố gắng thêm! |
| Nội dung  (4đ) | Đảm bảo đầy đủ và giải quyết được các luận điểm cơ bản (có phân tích, đưa dẫn chứng và bình luận);  Nêu được các nội dung mới mẻ, ấn tượng | Đảm bảo đầy đủ và giải quyết được các luận điểm cơ bản (có phân tích, đưa dẫn chứng và bình luận) | Tương đối đảm bảo đầy đủ và giải quyết được các luận điểm cơ bản (có phân tích, đưa dẫn chứng và bình luận), có từ 1-2 luận điểm chưa đảm bảo | Không đảm bảo đầy đủ hoặc không giải quyết được các luận điểm cơ bản (có phân tích, đưa dẫn chứng và bình luận) (từ 3 luận điểm trở lên) |
| Diễn đạt  (2đ) | Đảm bảo sự liên kết hợp lý giữa các nội dung, luận điểm, các đoạn, các câu trong bài văn;  Diễn đạt sáng tạo, rõ ràng, gây ấn tượng | Đảm bảo sự liên kết hợp lý giữa các nội dung, luận điểm, các đoạn, các câu trong bài văn;  Diễn đạt rõ ràng, có từ 1-2 lỗi diễn đạt | Tương đối đảm bảo sự liên kết hợp lý giữa các nội dung, luận điểm, các đoạn, các câu trong bài văn;  Có từ 3-5 lỗi diễn đạt | Không đảm bảo sự liên kết hợp lý giữa các nội dung, luận điểm, các đoạn, các câu trong bài văn;  Có hơn 5 lỗi diễn đạt |
| Chính tả  (1đ) | Không sai lỗi chính tả | Sai từ 1-2 lỗi chính tả | Sai từ 3-5 lỗi chính tả | Sai trên 5 lỗi chính tả |
| Trình bày (1đ) | Sạch sẽ, chữ viết đẹp;  không gạch xóa | Sạch sẽ, chữ viết đẹp;  Có 1-2 vết gạch xóa | Chữ viết rõ ràng;  Có 3-5 vết gạch xóa | Chữ viết cần cải thiện;  Có trên 5 vết gạch xóa |

**RUBRIC ĐÁNH 8: GIÁ ĐOẠN VĂN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí chung**  Xác định đúng vấn đề nghị luận: Sự lựa chọn trước nghịch cảnh (1đ)  Đảm bảo dung lượng 200 chữ (1đ) | | | | |
| **Tiêu chí cụ thể** | **4** | **3** | **2** | **1** |
| Nội dung  (4đ) | Đảm bảo đầy đủ những khía cạnh của vấn đề nghị luận (giải thích, phân tích & chứng minh, phê phán, bình luận & đánh giá); có những nội dung, ý tưởng sáng tạo, sâu sắc | Đảm bảo đầy đủ những khía cạnh của vấn đề nghị luận (giải thích, phân tích & chứng minh, phê phán, bình luận & đánh giá) | Tương đối đảm bảo đầy đủ những khía cạnh của vấn đề nghị luận (giải thích, phân tích & chứng minh, phê phán, bình luận & đánh giá); thiếu hoặc không đạt 1-2 khía cạnh của vấn đề | Không đảm bảo đầy đủ những khía cạnh của vấn đề nghị luận (giải thích, phân tích & chứng minh, phê phán, bình luận & đánh giá); thiếu hoặc không đạt từ 3 khía cạnh của vấn đề |
| Cấu trúc đoạn văn  (2đ) | Đảm bảo cấu trúc đoạn văn (diễn dịch, quy nạp, song hành,tổng – phân – hợp…);  Có cách triển khai đoạn văn sáng tạo, hợp lý | Đảm bảo cấu trúc đoạn văn (diễn dịch, quy nạp, song hành,tổng – phân – hợp…) | Tương đối đảm bảo cấu trúc đoạn văn (diễn dịch, quy nạp, song hành,tổng – phân – hợp…);  Có 1 chỗ chưa hợp lý trong cấu trúc | Không đảm bảo cấu trúc đoạn văn (diễn dịch, quy nạp, song hành,tổng – phân – hợp…) |
| Diễn đạt  (1đ) | Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu sáng tạo, độc đáo;  Lựa chọn dẫn chứng mới, có tính cập nhật | Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu đúng ngữ pháp;  Lựa chọn được dẫn chứng mới, có tính cập nhật | Tương đối đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu tương đối đúng ngữ pháp; sai từ 1-3 lỗi  Lựa chọn được dẫn chứng, thuyết phục | Không đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu không đúng ngữ pháp;  Không lựa chọn được dẫn chứng |
| Trình bày (1đ) | Sạch sẽ, chữ viết đẹp | Sạch sẽ, chữ viết rõ ràng | Tương đối sạch sẽ, có 1-2 vết gạch xoá, chữ viết nhìn được | Tương đối khó đọc, nhiều vết gạch xoá, chữ viết cần cải thiện |

**RUBRIC 9: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC DỘ** | | |
| **3** | **2** | **1** |
| **Nhân vật** | Phân tích đầy đủ, nhân vật qua từng luận điểm; có bình luận, đánh giá hợp lý, sâu sắc | Phân tích tương đối đầy đủ, nhân vật qua từng luận điểm, thiếu hoặc chưa rõ 1-2 luận điểm; có bình luận, đánh giá hợp lý | Không phân tích được nhân vật hoặc phân tích không đúng |
| **Không gian – thời gian** | Nêu được đặc trưng của không gian – thời gian trong tác phẩm; đánh giá được vai trò của nó theo nội dung chuyên đề | Nêu được đặc trưng của không gian – thời gian trong tác phẩm; đánh giá chưa được hoặc chưa rõ vai trò của nó theo nội dung chuyên đề | Không nêu được đặc trưng của không gian – thời gian trong tác phẩm |
| **Cốt truyện** | Nêu được đặc trưng của cốt truyện trong tác phẩm; đánh giá được vai trò của nó theo nội dung chuyên đề | Nêu được đặc trưng của cốt truyện trong tác phẩm; đánh giá chưa được hoặc chưa rõ vai trò của nó theo nội dung chuyên đề | Không nêu được đặc trưng của cốt truyện trong tác phẩm |
| **Ngôn ngữ** | Đánh giá được ngôn ngữ, văn phong của tác giả trong tác phẩm | Tương đối đánh giá được ngôn ngữ, văn phong của tác giả trong tác phẩm, đôi chỗ còn chưa rõ, lan man sang các phương diện khác | Không đánh giá được ngôn ngữ, văn phong của tác giả trong tác phẩm |
| **Thông điệp** | Nêu và phân tích được thông điệp về sự lựa chọn của con người trước nghịch cảnh. | Nêu được thông điệp về sự lựa chọn của con người trước nghịch cảnh nhưng chưa phân tích được hoặc phân tích chưa rõ | Không nêu được thông điệp về sự lựa chọn của con người trước nghịch cảnh |

**RUBRIC 10: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC DỘ** | | |
| 3 | 2 | 1 |
| Vai trò 1 | Chọn được các từ khoá đúng trọng tâm bài học và nội dung chuyên đề, có ý tưởng sáng tạo, sâu sắc | Có 1 từ chưa đúng trọng tâm văn bản hoặc nội dung chuyên đề | Không chọn được các từ khoá hoặc các từ khoá chưa đúng trọng tâm văn bản hoặc nội dung chuyên đề |
| Vai trò 2 | Đặt được hệ thống câu hỏi liên quan đến các từ khoá; câu hỏi xoáy vào nội dung chuyên đề; trả lời đầy đủ, nổi bật được ý tưởng (các từ khoá) ban đầu và nội dung chuyên đề | Có 1 câu hỏi không liên quan đến các từ khoá hoặc không hỏi xoáy vào nội dung chuyên đề; hoặc câu trả lời chưa đầy đủ, chưa nổi bật được ý tưởng (các từ khoá) ban đầu và nội dung chuyên đề | Chưa đặt được hệ thống câu hỏi liên quan đến các từ khoá; câu hỏi chưa xoáy vào nội dung chuyên đề; trả lời chưa đầy đủ, nổi bật được ý tưởng (các từ khoá) ban đầu và nội dung chuyên đề |
| Vai trò 3 | Nêu và phân tích được thông điệp từ văn bản, làm nổi bật được nội dung chuyên đề | Nêu được nhưng chưa phân tích được thông điệp từ văn bản, chưa làm nổi bật được nội dung chuyên đề | Không nêu được thông điệp |
| Vai trò 4 | Vẽ được bức tranh được gợi ra từ văn bản và thuyết minh được ý đồ của mình khi vẽ, làm nổi bật được ý nghĩa của chuyên đề | Vẽ được bức tranh được gợi ra từ văn bản nhưng thuyết minh chưa rõ được ý đồ của mình khi vẽ, chưa làm nổi bật được ý nghĩa chuyên để | Không vẽ được bức tranh hoặc không thuyết minh được ý đồ khi vẽ |
| Hợp tác | Biết phân công hợp lý, có trách nhiệm hoàn thành vai trò, biết trao đổi, hỗ trợ nhau để giải quyết vấn đề | Phân công còn chưa hợp lý, tương đối có trách nhiệm hoàn thành vai trò, còn một vài vấn đề chưa biết trao đổi, hỗ trợ nhau để giải quyết | Không có tinh thần, khả năng hợp tác |
| Thuyết trình | Truyền tải đầy đủ, rõ ràng, đúng trọng tâm nội dung chuẩn bị; phong thái bình tĩnh, tự tin, truyền cảm | Truyền tải chưa đầy đủ hoặc không đúng trọng tâm hoặc không rõ ràng một vài nội dung chuẩn bị; phong thái còn rụt rè, thiếu tự tin | Không có khả năng thuyết trình |
| Trả lời câu hỏi | Xác định được nội dung câu hỏi; trả lời đầy đủ, giải quyết được câu hỏi, câu trả lời sâu sắc, gây ấn tượng | Xác định được nội dung câu hỏi; trả lời tương đối đầy đủ, giải quyết được câu hỏi, còn một vài chỗ cần trao đổi thêm | Không xác định được nội dung câu hỏi; không trả lời được câu hỏi |